



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI

(Số: 07/2024/BBH – ĐHĐCD)

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi; được khai mạc vào lúc: 08 giờ 00 ngày 24/04/2024 tại Hội trường Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi - Km 17, QL 26, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

II. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà Lê Đặng Uyên Đan thay mặt giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.

2. Ông Phạm Đình Bộ, Trưởng Ban kiểm soát đọc báo cáo kết quả kiểm tra các cổ đông có đủ điều kiện tham dự Đại hội theo đó:

- Tổng số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự: 54 cổ đông.
- Tỷ lệ cổ phần đại diện và sở hữu của cổ đông tham dự: 12.603.615 cổ phần chiếm tỷ lệ 99.633 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông đã được tiến hành hợp pháp và hợp lệ theo quy định của Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Bà Lê Đặng Uyên Đan thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban Bầu cử và Kiểm phiếu tại Đại hội:

Đoàn chủ tịch:

- | | |
|---------------------|------------------------------|
| - Ông Đỗ Hoàng Phúc | - Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Phạm Xuân Thụ | - Thành viên HĐQT |
| - Bà Đặng Thị Huyền | - Thành viên HĐQT |

Ban thư ký:

- | | |
|-----------------------|--------------|
| - Bà Võ Thị Cẩm Nhung | - Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Ngân | - Thành viên |

Ban bầu cử và kiểm phiếu:

- | | |
|---------------------------|--------------|
| - Ông Nguyễn Tiến Nghĩa | - Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng | - Thành viên |



- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như - Thành viên
- Bà Lưu Thị Thu Hiền - Thành viên
- Bà Phạm Thị Sen - Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban bầu cử và kiểm phiếu như trên để điều khiển Đại hội với tỷ lệ: 100% cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

3. Ông Nguyễn Tiến Nghĩa thay mặt Ban bầu cử và kiểm phiếu đọc quy định về thể lệ làm việc, biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Quy định về thể thức làm việc, biểu quyết, bầu cử tại Đại hội với tỷ lệ: 100% cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

4. Ông Nguyễn Tiến Nghĩa thay mặt Ban bầu cử và kiểm phiếu công bố Danh sách các ứng viên cho vị trí Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi nhiệm kỳ 2024-2028.

Danh sách ứng viên HĐQT	Danh sách ứng viên BKS
1. Ông Đỗ Hoàng Phúc	1. Ông Phạm Đình Bộ
2. Ông Phạm Xuân Thụ	2. Bà Lê Đặng Uyên Đan
3. Ông Đỗ Hoàng Phương	3. Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng
4. Bà Phạm Thị Linh	
5. Bà Đặng Thị Huyền	

Đại hội biểu quyết thông qua Danh sách các ứng viên cho vị trí Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi nhiệm kỳ 2024-2028 với tỷ lệ: 100% cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

5. Đoàn chủ tịch giới thiệu và thông qua nội dung Chương trình Đại hội:

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Chương trình Đại hội như trên với tỷ lệ: 100% cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

III. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

1. Ông Phạm Xuân Thụ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc thay mặt Ban Tổng Giám Đốc báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

2. Ông Đỗ Hoàng Phúc - Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023; định hướng hoạt động năm 2024.

3. Ông Phạm Đình Bộ - Trưởng Ban Kiểm Soát thay mặt Ban Kiểm Soát báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2023 và kế hoạch công tác năm 2024.

4. Bà Đặng Thị Huyền trình bày các Tờ trình liên quan:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

- Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2023.

- Tờ trình thông qua thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

- Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

- Tờ trình về việc phê duyệt chấp thuận Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan.

- Tờ trình thông qua bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2028.

5. Đại hội tiến hành thảo luận, góp ý và biểu quyết các nội dung báo cáo, tờ trình được trình bày tại Đại hội.

- Tóm tắt một số vấn đề được các cổ đông đưa ra thảo luận tại Đại hội như sau:

- Ý kiến của cổ đông Đặng Thị Vân:

- Cơ bản nhất trí với các Báo cáo, Tờ trình đã được trình tại Đại hội và đề nghị công ty bổ sung làm rõ thêm một số nội dung như sau:

+ Trong báo cáo số 72/2024/BC-BTGD tại phần 1) Thuận lợi có nội dung “*Công ty nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở ban ngành của Tỉnh, Huyện Ủy Krông Pắc*”. Tuy nhiên theo ý kiến cá nhân nhận thấy thời gian vừa qua Công ty chưa nhận được sự quan tâm thực sự của UBND Tỉnh, Sở ban ngành về việc giải quyết triệt để các vấn đề đã tồn tại và đang phát sinh tại công ty. Vậy đề nghị Công ty xem xét, sửa đổi lại nội dung cho phù hợp với thực tế.

+ Tiếp tục tại báo cáo số 72/2024/BC-BTGD tại phần 1) Thuận lợi có nội dung “*Tập thể từ Ban lãnh đạo đến cán bộ nhân viên Công ty luôn có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, đoàn kết, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao*”. Để bổ sung cho nội dung này đề nghị Công ty nêu rõ hơn về việc có sự đóng góp từ các cổ đông và một số người nhận khoán đang đoàn kết, thực hiện tốt Hợp đồng giao khoán đã ký với Công ty và cùng Công ty vượt qua khó khăn hiện nay”.



+ Đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện các công việc liên quan đến thi hành án để xử lý dứt điểm các bản án đã được toà án tuyên xử.

- Ý kiến đưa ra thảo luận đã được giải thích trực tiếp tại Đại hội.

6. Bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2024 – 2028:

Ông Nguyễn Tiến Nghĩa thay mặt Ban bầu cử và kiểm phiếu hướng dẫn phổ biến lại cho các cổ đông phương thức bầu cử theo quy chế.

Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2024 – 2028.

7. Công bố kết quả kiểm phiếu các nội dung trình Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết và kết quả bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2024 – 2028:

Ông Nguyễn Tiến Nghĩa công bố kết quả như sau:

- Kết quả kiểm phiếu các nội dung trình Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành (%)	Không tán thành (%)	Không ý kiến (%)	Kết quả biểu quyết
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và Kế hoạch năm 2024.	100	0	0	Thông qua
2	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.	100	0	0	Thông qua
3	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch công tác năm 2024.	100	0	0	Thông qua
4	Tờ trình số 75/2024/TT – HĐQT về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023.	100	0	0	Thông qua
5	Tờ trình số 76/2024/TT – HĐQT V/v Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2023.	63,86	36,14	0	Thông qua

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành (%)	Không tán thành (%)	Không ý kiến (%)	Kết quả biểu quyết
6	Tờ trình số 77/2024/TT – HĐQT V/v Thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024.	100	0	0	Thông qua
7	Tờ trình số 78/2024/TT – HĐQT về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.	100	0	0	Thông qua
8	Tờ trình số 79/2024/TT – HĐQT về việc thông qua chủ trương phê duyệt chấp thuận hợp đồng giao dịch giữa công ty và người có liên quan.	100% tương đương với 4.718.015 cổ phần của cổ đông không có lợi ích liên quan tham dự được quyền biểu quyết tại Đại Hội	0	0	Thông qua

- Danh sách trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2024 – 2028:

STT	Ứng cử viên	Số phiếu bầu
1	Đỗ Hoàng Phúc	17.648.300
2	Đỗ Hoàng Phương	12.286.300
3	Đặng Thị Huyền	5.843.300
4	Phạm Xuân Thụ	13.730.800
5	Phạm Thị Linh	13.489.375

- Danh sách trúng cử thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2024 – 2028:

STT	Ứng cử viên	Số phiếu bầu
1	Phạm Đình Bộ	12.598.645
2	Lê Đặng Uyên Đan	12.600.000
3	Nguyễn Thị Thuý Hằng	12.612.200



8. Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2024 – 2028 họp để bầu Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Trưởng Ban Kiểm Soát.

9. Công bố kết quả bầu Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Trưởng Ban Kiểm Soát và giới thiệu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2024 – 2028:

Ông Nguyễn Tiến Nghĩa: Công bố kết quả bầu Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Trưởng Ban Kiểm Soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông/Bà: Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT
2	Ông/Bà: Phạm Xuân Thụ	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông/Bà: Phạm Đình Bộ	Trưởng BKS

Ông Nguyễn Tiến Nghĩa: Giới thiệu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2024 – 2028 ra mắt tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên Công ty năm 2024.

Đại hội kết thúc vào lúc 12 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản đã được đọc trước Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH HĐQT

THÀNH VIÊN HĐQT

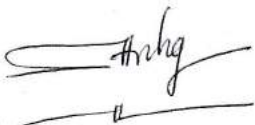



Đỗ Hoàng Phúc

Phạm Xuân Thụ

Đặng Thị Huyền

BAN THƯ KÝ


Võ Thị Cẩm Nhung


Nguyễn Thị Ngân





CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI

(Số: 07/2024/NQ – ĐHĐCD)

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số: 07/2024/BBH – ĐHĐCD ngày 24/04/2024 của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo số 72/2024/BC – BTGD ngày 25/03/2024 của Ban Tổng Giám Đốc về báo cáo tổng kết thực hiện sản xuất kinh doanh trong năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2024

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 như sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023 so với KH năm 2023
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	8.238	8.302	99%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.008	8.000	100%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	230	302	76%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023 so với KH năm 2023
	SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	469.085	379.483	124%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	456.040	372.183	123%
1.1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	429.400	352.383	122%
1.2	Doanh thu cà phê kế hoạch	Triệu đồng	14.374	12.300	117%
1.3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	12.266	6.800	180%
2	Doanh thu khác	Triệu đồng	13.045	7.300	179%
II	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.896	4.125	119%
III	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.361	825	165%
IV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	3.535	3.300	107%

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	KH năm 2024 so với TH năm 2023	Ghi chú
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	8.238	6.310	77%	
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.008	6.000	75%	
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	230	310	135%	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	KH năm 2024 so với TH năm 2023	Ghi chú
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH					
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	469.085	395.586	84%	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	456.040	384.486	84%	
1.1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	429.400	354.000	82%	
1.2	Doanh thu cà phê kế hoạch	Triệu đồng	14.374	16.926	118%	Giá thu sản dự kiến 10.000đ/kg cà phê quả tươi
1.3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	12.266	13.560	111%	
2	Doanh thu khác	Triệu đồng	13.045	11.100	85%	
II	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	4.896	5.114	104%	
III	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.361	1.023	75%	
IV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	3.535	4.091	116%	

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 2: Thông qua Báo cáo số 73/2024/BC – HĐQT ngày 25/03/2024 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 (*Văn bản đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 3: Thông qua Báo cáo số 74/2024/BC – BKS ngày 25/03/2024 về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 (*Văn bản đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 4: Thông qua Tờ trình số 75/2024/TT – HĐQT ngày 25/03/2024 về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023 như được nêu trong tờ trình (*Văn bản đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 76/2024/TT – HĐQT ngày 25/03/2024 về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2023.

Đại hội biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2023, như sau:

Phương án phân phối lợi nhuận từ 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Tổng doanh thu	Đồng	469.085.408.057
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	4.896.414.423
3	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	Đồng	3.535.047.283
4	Cổ tức năm 2023	Đồng	0
5	Lợi nhuận trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	3.535.047.283
6	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	0

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 63,86%

Điều 6: Thông qua Tờ trình số 77/2024/TT – HĐQT ngày 25/03/2024 về việc thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

Đại hội biểu quyết thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Nội dung	Kế hoạch thù lao năm 2023	Tổng thù lao đã chi năm 2023	Kế hoạch thù lao năm 2024
01	Chủ tịch HĐQT chuyên trách và các Thành viên HĐQT không chuyên trách	500.000.000	331.809.574	500.000.000 - Lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 22.500.000đ/tháng (Chưa bao gồm mức đóng thuế TNCN vắng lai 10%)
02	Ban kiểm soát (03 thành viên)	84.000.000	25.800.000	84.000.000

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 7: Thông qua Tờ trình số 78/2024/TT – HĐQT ngày 25/03/2024 về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2024

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung tờ trình về việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn một trong các công ty Kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2024 (*Văn bản đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 8: Thông qua Tờ trình số 79/2024/TT – HĐQT ngày 25/03/2024 về việc phê duyệt chấp thuận Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung tờ trình về việc phê duyệt chấp thuận Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan (*Văn bản đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% tương đương với 4.718.015 cổ phần của cổ đông không có lợi ích liên quan tham dự được quyền biểu quyết tại Đại Hội.

Điều 9: Thông qua Tờ trình số 80/2024/TT – HĐQT ngày 25/03/2024 về việc thông qua bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2028.

Đại hội biểu quyết thông qua tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2028 (*Văn bản đính kèm*), cụ thể:

- Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị: 05 người.
- Số lượng thành viên Ban Kiểm Soát: 03 người.
- Danh sách ứng viên:

Danh sách ứng viên HĐQT	Danh sách ứng viên BKS
1. Ông Đỗ Hoàng Phúc	1. Ông Phạm Đình Bộ
2. Ông Phạm Xuân Thụ	2. Bà Lê Đặng Uyên Đan
3. Ông Đỗ Hoàng Phương	3. Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng
4. Bà Phạm Thị Linh	
5. Bà Đặng Thị Huyền	

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 10: Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2024 – 2028.

- Thông qua danh sách trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2024 – 2028:

Danh sách trúng cử HĐQT	Danh sách trúng cử BKS
1. Ông Đỗ Hoàng Phúc – Chủ tịch HĐQT	1. Ông Phạm Đình Bộ – Trưởng BKS
2. Ông Phạm Xuân Thụ – Phó Chủ tịch HĐQT	2. Bà Lê Đặng Uyên Đan – Thành viên BKS
3. Ông Đỗ Hoàng Phương – Thành viên HĐQT	3. Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng – Thành viên BKS
4. Bà Phạm Thị Linh – Thành viên HĐQT	
5. Bà Đặng Thị Huyền – Thành viên HĐQT	

Điều 11. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 24/04/2024

Nghị quyết ĐHCĐ sẽ được công bố trên website Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%

Điều 12. Trách nhiệm phổ biến quán triệt và triển khai thực hiện Nghị Quyết này

Đại hội thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN; SGDCKHN “để báo cáo”;
- Lưu: HĐQT; VT.



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Thời gian: 07 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 04 năm 2024
- Địa điểm: Hội trường trụ sở chính Văn phòng Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi
- Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã Hòa Đông, huyện K'Rông Păk, tỉnh Đắk Lắk

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	CHỦ TRÌ
1.	07h30 – 08h20	- Đón khách; - Thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm tra tư cách cổ đông/người dự họp; - Phát tài liệu họp.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2.	07h30 – 08h20	- Khai mạc Đại hội; - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông/người dự họp;	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
3.	07h30 – 08h20	- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, chỉ định Thư ký/Ban Thư ký & thông qua thành phần Ban bầu cử và kiểm phiếu; - Thông qua Chương trình Đại hội; - Thông qua thể lệ làm việc, biểu quyết và bầu cử tại Đại hội. - Công bố danh sách các ứng viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2024 – 2028.	- Ban tổ chức. - Chủ tọa. - Ban bầu cử và kiểm phiếu.
4.	08h20 – 09h00	Báo cáo Ban Tổng Giám Đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024.	Tổng Giám đốc
5.	08h20 – 09h00	Báo cáo HĐQT về hoạt động trong năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.	Chủ tịch HĐQT
6.	08h20 – 09h00	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.	Trưởng BKS
7.	08h20 – 09h00	Các Tờ trình với nội dung sau: - Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2023. - Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023. - Tờ trình về việc thông qua tổng thù lao tiền thưởng HĐQT & BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024. - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2024. - Tờ trình về việc phê duyệt chấp thuận Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan. - Tờ trình thông qua bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2028. - Các nội dung khác (nếu có)	Thành viên Đoàn Chủ tịch
8.	09h00-09h20	Đại hội thảo luận về nội dung của các Báo cáo và Tờ	Đoàn Chủ tịch



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

		trình Đại hội	
9.	09h20 – 09h30	Đại hội biểu quyết thông qua các báo cáo và Tờ trình.	Đoàn Chủ tịch Ban bầu cử và kiểm phiếu
10.	09h30 – 09h40	Đại hội tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2028.	Đoàn Chủ tịch Ban bầu cử và kiểm phiếu
11.	09h40 – 10h00	- Kiểm phiếu - Nghỉ giải lao	Ban bầu cử và kiểm phiếu
12.	10h00 – 10h40	Công bố kết quả kiểm phiếu. Ra mắt thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2024-2028	Ban bầu cử và kiểm phiếu Đoàn Chủ tịch
13.	10h40 – 10h45	Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024.	Ban Thư ký
14.	10h50	Phát biểu tổng kết và Bế mạc đại hội	Đoàn Chủ tịch

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

PHIẾU ĐÓNG GÓP Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

Về:

A. THÔNG TIN CỦA CỔ ĐÔNG:

- Tên cổ đông:
- Số CMND/CCCD/GPĐKKD..... cấp ngày..... tại.....
- Người đại diện được ủy quyền (đối với tổ chức):.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....
- Số cổ phần sở hữu:.....
(Bằng chữ:))

B. NỘI DUNG GÓP Ý:

- Chủ đề góp ý:
- Nội dung góp ý:
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đắk Lắk, ngày.....tháng.....năm 2024

Người góp ý

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cổ đông pháp nhân)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI

Mã số doanh nghiệp: 6000182456

Km 17 quốc lộ 26, xã Hòa Đông, huyện K'Rông Păk, Tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại: 0262.3514365; Fax: 0262.3514365.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

QUY CHẾ THỂ THỨC LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT **TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi.

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi được tiến hành nhanh chóng, thuận lợi, đạt được thành công tốt đẹp, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua **“Quy chế thể thức làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024”** (“Sau đây gọi lại **Quy chế**”) với các nội dung chính như sau:

Điều 1. Nhiệm vụ của Đại hội.

- Biểu quyết thông qua Quy chế Thể thức làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình Đại hội; Đoàn Chủ Tịch; Ban Thư Ký; Ban Bầu cử và Kiểm Phiếu.;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình: Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình phê duyệt chủ trương ký kết Hợp đồng, giao dịch với người liên quan;
- Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2028;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình về các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội;

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách cổ đông được xác nhận vào ngày 18/03/2024 đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi.

1. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông để nhận **Thẻ biểu quyết và Phiếu góp ý** trong đó có ghi tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông.

2. Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.

3. Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự;

4. Người được ủy quyền tham dự Đại hội sử dụng mẫu ủy quyền do Công ty cấp, không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội;

5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;

6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông;

7. Việc ghi âm hoặc ghi hình tại Đại hội phải được sự cho phép của Chủ tọa và/hoặc nhất trí của toàn bộ cổ đông dự họp.

Điều 3. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên do chủ tọa giới thiệu. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch và là người Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị (HDQT) đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo chương trình dự kiến của HDQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 4. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Đoàn Chủ tịch giới thiệu; Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

a. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;

b. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định.

c. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;

d. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 5. Ban Kiểm tra Tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 04 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 03 thành viên do Chủ tịch HĐQT chỉ định.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

- Thẩm tra tư cách cổ đông và đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội.

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

- Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phải lập Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 6. Ban Bầu cử và Kiểm Phiếu

1. Ban Bầu cử và kiểm phiếu bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên còn lại do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Nhiệm vụ của Ban Bầu cử và Kiểm phiếu

- Phổ biến Thể lệ biểu quyết, và hướng dẫn các cổ đông thực hiện biểu quyết;

- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết.

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;

- Thông báo kết quả biểu quyết cho Ban thư ký cập nhật vào nội dung Biên bản họp;

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản Kiểm phiếu, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Sau Đại hội, Ban Kiểm phiếu phải bàn giao Biên bản kiểm phiếu kèm theo toàn bộ Phiếu biểu quyết cho Ban Tổ chức Đại hội phục vụ công tác lưu trữ.

- Thực hiện các công việc khác theo Quy chế đề cử ứng cử, yêu cầu hoặc phân công của Chủ tọa.

Điều 7. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Đại hội cần nhiều thời gian thảo luận hơn dự kiến thì Đoàn Chủ tịch sẽ có thẩm quyền quyết định vấn đề này.

- Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu góp ý đã được phát và chuyển cho thư ký Đại hội;

- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu góp ý của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;

- Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay và phải tuân thủ các quy định sau:

+ Được sự chấp thuận của Chủ tọa;

+ Phải nêu tên và mã số biểu quyết trước khi phát biểu;

+ Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với Chương trình Đại hội;

+ Nội dung phát biểu phải mang tính xây dựng và phát triển Công ty;

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở Phiếu góp ý của cổ đông, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 8. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và lấy biểu quyết công khai bằng cách giơ **Thẻ biểu quyết** hoặc bỏ phiếu kín bằng Phiếu biểu quyết (*tùy từng nội dung biểu quyết*) đối với tất cả cổ đông và/hoặc Đại diện.

- Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết được Công ty in và được phát cho Cổ đông /Đại diện cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết/một Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết ghi rõ Mã số cổ đông, Họ và tên, Số phiếu biểu quyết của cổ đông đó (*đối với Thẻ biểu quyết*) và các nội dung biểu quyết theo Chương trình họp của ĐHĐCĐ (*đối với Phiếu biểu quyết*).

2. Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết

2.1. Phương thức giơ Thẻ biểu quyết các nội dung sau:

- Thông qua tất cả các Báo cáo, các tờ trình được trình bày tại Đại hội

2.2 Cách biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

- Cổ đông và/hoặc Đại diện cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) đối với một vấn đề bằng cách trực tiếp giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội;

- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông biểu quyết đồng ý thông qua sẽ giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý. Tương tự, theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông không đồng ý hoặc không có ý kiến sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết;

- Ngay sau khi hoàn thành phần Biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Đại hội, Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn Đại hội.

3. Thể lệ biểu quyết:

3.1. Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) thẻ biểu quyết/ 01 (một) Phiếu biểu quyết.

3.2. Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội trừ các vấn đề theo quy định pháp luật được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 9. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký lập, đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 10. Thi hành Quy chế

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế thể thức làm việc và biểu quyết tại Đại hội này được trình bày trước Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi và được thông qua khi được sự chấp thuận của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Quy chế này có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội Đồng Cổ đông thường niên 2024 của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi thông qua và chấm dứt hiệu lực sau khi kết thúc Đại hội.

Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội sẽ thay mặt ký, ban hành Quy chế này sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Quy chế./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



CHỦ TỊCH HĐQT

Lô Hoàng Phúc

Số: 54c/2024/QCBC – CTCP

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 03 năm 2024

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ- ỨNG CỬ- BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
NHIỆM KỲ 2024 – 2028**

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1.1. Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc, phương thức cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi nhiệm kỳ 2024 – 2028 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

1.2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi (theo danh sách chốt tại ngày 18/03/2024) và người đại diện theo ủy quyền hợp lệ có mặt tại phiên họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024:

2.1. Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền khi đến tham dự đại hội đều được nhận 01 phiếu bầu cử Hội đồng quản trị (HĐQT) và 01 phiếu bầu cử Ban kiểm soát (BKS), trên phiếu ghi rõ số lượng cổ phần mà cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó nắm giữ và số phiếu biểu quyết tương ứng được sử dụng để bầu cử.

2.2. Cổ đông phải tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại quy chế này và sự hướng dẫn của Ban bầu cử và kiểm phiếu, chủ tọa đại hội.

CHƯƠNG II

**QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS
NHIỆM KỲ 2024 – 2028**

Điều 3. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

3.1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 05 thành viên.

3.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT:

Thành viên HĐQT phải thỏa mãn các tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020 và quy chế này, cụ thể như sau:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

Điều 4. Số lượng và tiêu chuẩn ứng cử viên vào Ban kiểm soát:

4.1. Số lượng kiểm soát viên được bầu là 03 kiểm soát viên.

4.2. Kiểm soát viên phải thỏa mãn các tiêu chuẩn làm kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp 2020 và theo quy chế này, cụ thể như sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

e) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp.

g) Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 5. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT:

5.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền góp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng cử viên HĐQT. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ (tính đến ngày chốt danh sách cổ đông ngày 18/03/2024).

a) Từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng viên;

b) Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng viên;

c) Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng viên;

d) Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng viên;

e) Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng viên;

f) Từ 70% đến dưới 80% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng viên;

g) Từ 80% đến dưới 90% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng viên.

Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi tắt là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

5.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.

Điều 6. Quyền đề cử, ứng cử làm Kiểm soát viên

6.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- a) Từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng viên;
- b) Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng viên;
- c) Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng viên;
- d) Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng viên;
- e) Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng viên;
- f) Từ 70% đến dưới 80% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng viên;
- g) Từ 80% đến dưới 90% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng viên.

6.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Kiểm soát viên thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, số ứng cử viên còn lại do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử.

Điều 7. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào thành viên HĐQT, BKS:

7.1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- a. Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử ứng viên tham gia HĐQT hoặc BKS;
- b. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có dán ảnh;
- c. Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- d. Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn;
- e. Giấy ủy quyền và/ hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).

7.2. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi chậm nhất **trước 17h00 ngày 08/04/2024** (tính theo dấu bưu điện) theo địa chỉ sau:

- Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi.
- Km 17 Quốc lộ 26, xã Hòa Đông, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Điện thoại: 02623.514.365 Email: phongtochucthangloi@gmail.com

Chỉ những hồ sơ đề cử ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại phiên họp ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG III

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ (2024-2028)

Điều 8. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Hội đồng quản trị sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu thành viên HĐQT và Kiểm soát viên.

Điều 9. Nguyên tắc bầu cử

Việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

- Tuân thủ pháp luật hiện hành về doanh nghiệp tại Việt Nam;
- Bảo đảm tính công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

Điều 10. Người có quyền bầu cử

Người có quyền bầu cử tại ĐHĐCĐ là các cổ đông sở hữu cổ phần hoặc người được cổ đông sở hữu cổ phần ủy quyền dự họp (*theo danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 18/03/2024*) có mặt tại phiên họp ĐHĐCĐ.

Điều 11. Hình thức và phương thức bầu cử

11.1. Việc bầu cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát của Công ty sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu đôn phiếu.

11.2. Sau khi Đại hội thông qua quy chế thủ tục bầu cử và danh sách các ứng viên bầu thành viên HĐQT, BKS, mỗi đại biểu tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức phát 02 (hai) phiếu bầu gồm một (01) Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và một (01) Phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát. Đại biểu có trách nhiệm kiểm tra thông tin trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải báo ngay cho Ban tổ chức.

11.3. Trên phiếu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC, mã đại biểu, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện, số phiếu biểu quyết, có đóng dấu treo của công ty.

11.4. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cả số cổ phần sở hữu, và hoặc được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của HĐQT hoặc số kiểm soát viên được bầu của BKS. Cụ thể theo công thức sau:

(i) Bầu thành viên HĐQT:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số phiếu} \\ \text{biểu quyết} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số cổ} \\ \text{phần có quyền} \\ \text{biểu quyết} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số thành viên} \\ \text{được bầu của} \\ \text{HĐQT} \end{array}$$

(ii) Bầu thành viên BKS:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số phiếu} \\ \text{biểu quyết} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số cổ} \\ \text{phần có quyền} \\ \text{biểu quyết} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số thành viên} \\ \text{được bầu của} \\ \text{BKS} \end{array}$$

11.5. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.

11.6. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

(Xem ví dụ chi tiết về phương thức bầu dồn phiếu tại Phụ lục đính kèm Quy chế này)

Điều 12. Tổ chức và giám sát bầu cử

12.1. Ban bầu cử và kiểm phiếu:

a. Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban bầu cử và kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;

b. Ban bầu cử và kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và các thành viên khác do Đại hội biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

c. Thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT và thành viên BKS;

12.2. Ban bầu cử và kiểm phiếu phải bảo đảm tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.

12.3. Ban bầu cử và kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a. Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên HĐQT và BKS;
- b. Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông.
- c. Phân phát và thu phiếu bầu cử,
- d. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
- e. Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;
- f. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Ban Thư ký Đại hội;
- g. Cùng Ban Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- h. Và các nhiệm vụ liên quan khác,

i. Ban bầu cử và kiểm phiếu chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 13. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

13.1. Phiếu bầu:

a. Phiếu bầu do Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi phát hành, được in thống nhất, có đầu treo của công ty, có mã số cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu được ủy quyền đại diện, tổng số quyền biểu quyết:

b. Cổ đông/đại diện ủy quyền được phát đồng thời 01 phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị (màu hồng) và 01 phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát (màu vàng) theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền)

c. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót cổ đông phải thông báo ngay cho Ban bầu cử và kiểm phiếu để đổi phiếu bầu khác;

13.2. Cách ghi phiếu bầu:

a. Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông bầu số ứng viên tối đa bằng số lượng cần bầu vào thành viên HĐQT/BKS:

b. Nếu bầu dồn toàn bộ phiếu cho một ứng viên hoặc chia đều phiếu bầu của mình cho nhiều ứng viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đánh dấu vào ô "**Bầu dồn đều phiếu**" của ứng viên tương ứng, số phiếu bầu sẽ được dồn toàn bộ cho một ứng viên (trường hợp chọn một ứng viên) hoặc chia đều cho các ứng viên được chọn (trường hợp chọn nhiều ứng viên).

Khi cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đánh dấu vào ô "**Bầu dồn đều phiếu**" số phiếu biểu quyết sẽ được chia đều cho các ứng viên được chọn và lúc này số phiếu mỗi ứng viên được nhận sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần thập phân lẻ nếu có phát sinh sẽ tự động xóa bỏ.

c. Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông ghi rõ số phiếu biểu quyết cụ thể vào ô "**Số phiếu biểu quyết**" của các ứng viên tương ứng. Các ứng cử viên không được lựa chọn thì cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông điền số "0" hoặc gạch chéo vào cột "**Số phiếu biểu quyết**".

d. Trong trường hợp đại biểu đánh dấu vào ô "**Bầu dồn đều phiếu**" vừa ghi số lượng vào ô "**Số phiếu biểu quyết**" thì kết quả được lấy theo số lượng phiếu bầu tại ô "**Số phiếu biểu quyết**".

e. Tổng số phiếu biểu quyết cho ứng cử viên của một cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đại diện ủy quyền của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

f. Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác.

g. Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông phải ký và ghi rõ họ tên dưới phiếu bầu để xác nhận.

13.3. Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a. Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- b. Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).
- c. Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 13.4 Điều này.

13.4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Phiếu không do Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi phát hành và/hoặc không có dấu của Công ty;
- b. Phiếu gạch xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);
- c. Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- d. Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);
- e. Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông;
- f. Phiếu bầu cho nhiều ứng viên hơn số lượng cần bầu;
- g. Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Điều 14. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

14.1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

14.2. Ban bầu cử và kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

14.3. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban bầu cử và kiểm phiếu giám sát;

14.4. Việc kiểm phiếu phải được Ban bầu cử và kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; Trước khi mở thùng phiếu, Ban bầu cử và kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban bầu cử và kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Điều 15. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

15.1. Người trúng cử thành viên HĐQT/Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên mà Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết.

15.2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì người nào sở hữu hoặc đại diện cho cổ đông sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện cho cổ đông sở hữu cùng bằng nhau hoặc tất cả các ứng viên đó không phải là

cổ đông của công ty thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau để lựa chọn.

Điều 16. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

16.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban bầu cử và kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

16.2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;
- b. Thành phần Ban bầu cử và kiểm phiếu;
- c. Mục đích, nội dung bỏ phiếu;
- d. Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền bầu cử tại Đại hội; tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia bầu cử;
- e. Kết quả bầu cử,
- f. Chữ ký của Thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu.

16.3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban bầu cử và kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 17. Quyền chất vấn

Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Ban Chủ tọa Đại hội và Ban bầu cử và kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông/đại diện cổ đông và được ghi vào biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2024-2028 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Chi tiết

Hướng dẫn bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2028 theo phương thức bầu đôn phiếu

1. Loại phiếu bầu

Có 02 loại phiếu bầu để bầu thành viên HĐQT và BKS gồm:

- Phiếu màu hồng: bầu HĐQT
- Phiếu màu vàng: bầu BKS

2. Bỏ phiếu

Cổ đông/Người đại diện cho cổ đông thực hiện việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS vào thùng phiếu.

3. Cách thức ghi phiếu bầu

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (gồm cổ phiếu sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS.

- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu biểu quyết của mình cho các ứng viên mà họ lựa chọn hoặc dồn hết tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng viên nhưng phải đảm bảo tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông đó; và số ứng viên mà cổ đông đó lựa chọn để bầu không được vượt quá số ứng viên cần bầu vào thành viên HĐQT/BKS (được Đại hội biểu quyết thông qua).

Ví dụ:

Giả sử Đại hội biểu quyết thông qua chọn 05 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2028 trong tổng số 07 ứng viên.

Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (gồm cổ phần sở hữu và được ủy quyền) **1.000 cổ phần** có quyền biểu quyết. Khi đó, tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là $1000 \times 5 = 5.000$ phiếu bầu.

Cổ đông Nguyễn Văn A được lựa chọn tối đa 05 ứng viên trong số 07 ứng viên để bầu vào HĐQT và tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên mà cổ đông Nguyễn Văn A lựa chọn không vượt quá 5000 phiếu bầu.

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

*** Trường hợp 1**

Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều tổng số phiếu bầu của mình cho vài ứng viên mà mình lựa chọn (trường hợp ví dụ dưới là chia cho 05 ứng viên - tương đương mỗi ứng viên nhận được 1.000 phiếu bầu):

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên 1	<input checked="" type="checkbox"/>	1.000
2	Ứng viên 2	<input checked="" type="checkbox"/>	1.000
3	Ứng viên 3	<input checked="" type="checkbox"/>	1.000
4	Ứng viên 4	<input checked="" type="checkbox"/>	1.000
5	Ứng viên 5	<input checked="" type="checkbox"/>	1.000
6	Ứng viên 6	<input type="checkbox"/>	0
7	Ứng viên 7	<input type="checkbox"/>	0

*** Trường hợp 2**

Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết phiếu bầu của mình cho 01 ứng viên (tương đương ứng viên đó nhận được cả 5.000 phiếu bầu):

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên 1	<input type="checkbox"/>	0
2	Ứng viên 2	<input type="checkbox"/>	0
3	Ứng viên 3	<input checked="" type="checkbox"/>	5.000
4	Ứng viên 4	<input type="checkbox"/>	0
5	Ứng viên 5	<input type="checkbox"/>	0
6	Ứng viên 6	<input type="checkbox"/>	0
7	Ứng viên 7	<input type="checkbox"/>	0

*** Trường hợp 3**

Cổ đông Nguyễn Văn A chi phiếu bầu của mình cho vài ứng viên nhưng không đều nhau, trường hợp dưới là chi cho 2 ứng viên số 1 (3000 phiếu) và 5 (2000 phiếu):

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên 1	<input checked="" type="checkbox"/>	3.000
2	Ứng viên 2	<input type="checkbox"/>	0
3	Ứng viên 3	<input type="checkbox"/>	0
4	Ứng viên 4	<input type="checkbox"/>	0
5	Ứng viên 5	<input checked="" type="checkbox"/>	2.000
6	Ứng viên 6	<input type="checkbox"/>	0
7	Ứng viên 7	<input type="checkbox"/>	0

4. Phiếu bầu không hợp lệ

Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ được quy định tại Khoản 4, Điều 10 Quy chế này. Cụ thể thuộc một trong các trường hợp sau:

- Phiếu không do Công ty phát hành và/hoặc không có dấu của công ty;
- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);
- Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);
- Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông;
- Phiếu bầu cho nhiều ứng viên hơn số lượng cần bầu;
- Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

5. Việc bầu thành viên Kiểm soát viên cũng được thực hiện tương tự như bầu thành viên HĐQT, chỉ khác về số lượng ứng viên và số thành viên chọn vào BKS.

Số: 72/2024/BC – BTGD

Hòa Đông, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024**



Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị về sản xuất kinh doanh năm 2023.

Trong năm 2023, Công ty đã tập trung mọi nguồn lực, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ mà Nghị quyết đã đề ra.

Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 để tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2023 & triển khai phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2024.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc, Tôi xin trình bày Báo cáo như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

I. Những thuận lợi và khó khăn

1) Thuận lợi

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các Sở ban ngành của tỉnh, Huyện ủy Krông Pắc và sự ủng hộ của chính quyền địa phương các cấp đã tạo nhiều điều kiện cho Công ty thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2023.

- Lực lượng sản xuất của công ty đã có bước phát triển mới trong triển khai nhiệm vụ theo Nghị quyết đề ra. Đồng thời, dưới sự giám sát chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty, các phòng ban, đơn vị trong Công ty tiếp tục phát huy và từng bước có sự đổi mới nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, công tác sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

- Tập thể từ Ban lãnh đạo đến cán bộ nhân viên Công ty luôn có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, đoàn kết, ý thức trách nhiệm với công việc, khắc phục mọi khó khăn để cùng nhau thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Cơ sở vật chất của công ty đến nay cơ bản đầy đủ, đáp ứng được mọi vấn đề cho quá trình sản xuất kinh doanh và đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân viên lao động.

2) Khó khăn

Năm 2023 là năm thứ 5 chuyển đổi sang công ty cổ phần, nhưng tình hình công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, an ninh trật tự bởi đại đa số người nhận khoán vẫn chưa hợp tác với Công ty trong thực hiện hợp đồng giao khoán, cụ thể: Đại đa số người nhận khoán không giao nộp sản lượng giao khoán năm 2023; không trả nợ sản lượng còn nợ của các năm từ 2018-2022, mặc dù Công ty tiếp tục có chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐQT ngày 27/10/2023 của Hội đồng quản trị công ty (giảm sản lượng giao khoán từ 10- 30% đối với những trường hợp giao nộp đủ sản lượng giao khoán năm 2023 và trả đầy đủ hoặc một phần các khoản nợ); không ký hợp đồng giao khoán mới khi hợp đồng đã hết thời hạn; tiếp tục chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen, tự ý thanh lý lô cà phê, tự ý rào lấn chiếm và chắn đường lô...làm thất thoát tài sản của Công ty (trong đó có vốn Nhà nước và các cổ đông).

Về Kinh doanh: Năm 2023 cũng là một năm kinh doanh gặp khó khăn do biến động giá cả, ảnh hưởng bởi chiến tranh, lạm phát... Giá cà phê trên sàn kỳ hạn trong năm 2023 giao động với biên độ lớn từ mức 1.787- 3000 USD/tấn. Nền kinh tế của nhiều nước rơi vào suy thoái, sức mua hàng hóa sụt giảm, ảnh hưởng lớn đến tiêu thụ cà phê toàn cầu. Và nguồn cung sản lượng trong nước năm 2023 cũng sụt giảm do diện tích canh tác cà phê ngày càng thu hẹp, vườn cây kinh doanh già cỗi, tỷ lệ tái canh lại cây cà phê thấp... do nông dân ưu tiên trồng xen các loại cây ăn trái khác mang giá trị kinh tế cao hơn so với cây cà phê tại thời điểm hiện tại.

II. Kết quả thực hiện SXKD năm 2023.

1. Về sản xuất:

Tuy gặp rất nhiều khó khăn, song với sự nỗ lực, quyết tâm cao từ tập thể ban lãnh đạo đến cán bộ nhân viên công ty, bằng nhiều hình thức, biện pháp khắc phục khó khăn, tăng cường công tác vận động tuyên truyền đối với người nhận khoán để nhận thức đúng đắn về trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc thực hiện hợp đồng giao khoán từ đó hợp tác với công ty để cùng thực hiện. Do vậy, về lĩnh vực sản xuất năm 2023 tuy đạt chưa cao nhưng cũng cao hơn năm 2022 về số người nộp, số lượng sản phẩm giao nộp ... doanh thu đạt được khá cao do giá cả cà phê tăng cao, cụ thể:

1.1. Kết quả thu hồi các khoản nợ đối với người nhận khoán và liên kết

1.1.1. Về thu sản lượng giao khoán:

- Tổng sản lượng thu được: 1.064.236 kg cà phê quả tươi, đạt 77,45% chỉ tiêu nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2023 đề ra. Tăng so với năm 2022 là 8,40%. Lần đầu tiên sau 5 năm công ty thu được trên 1000 tấn cà phê quả tươi/năm.

- Doanh thu đạt 14,374 tỷ đồng, đạt 116,86 so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

1.1.2. Về tiền thuê đất:

- Tổng số tiền thu được (bao gồm truy thu từ giai đoạn năm 2006 - 2010; từ năm 2015 đến năm 2017 và tiền thuê đất từ 2018-2023): 1.633.824.316 đồng, bằng 10,49 % tổng số tiền phải thu. Tăng 30,92% so với năm 2022.

1.1.3. Thu tiền phân vô cơ

- Tổng số tiền nợ: 610.404.000 đồng; thu được 34.304.000 đồng, còn nợ: 576.100.000 đồng.

1.2. Một số hoạt động công tác khác liên quan đến sản xuất:

- Năm 2023 Công ty tiếp tục mời người nhận khoán lên công ty để ký hợp đồng giao khoán mới, bao gồm hợp đồng đã hết thời hạn, trồng mới tái canh chuyển lên kinh doanh và hợp đồng theo tư cách pháp nhân mới công ty cổ phần, kết quả đã ký được 43 hợp đồng, nâng tổng số hợp đồng mới đã được ký từ khi chuyển sang công ty cổ phần là: 260 hợp đồng/1.311 hợp đồng, tỷ lệ đạt 19,83%.

- Kiểm tra và làm thủ tục thanh lý cây muồng đen đối với 33 trường hợp, số lượng cây thanh lý 1.918 cây, tổng số tiền thu phần 51%: 1.485.680 đồng.

- Kiểm tra và xử lý bồi thường cây muồng đen đối với 37 trường hợp tự ý chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen (những trường hợp ký hợp đồng giao khoán mới và chốt BHXH). Tổng số cây phải bồi thường đã thu được 1.200 cây, với tổng giá trị tiền thu được 1.898.991.000 đồng.

- Tuần tra, kiểm tra lô đồng phát hiện, lập biên bản xử lý vụ tự ý chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen trên lô cà phê với số lượng cây.

- Tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ tại thời điểm 30/6/2023, tuy nhiên số người đến đối chiếu xác nhận rất thấp không đáng kể.

- Cung cấp hồ sơ, tài liệu, chứng cứ liên quan cho Tòa án đối với các vụ án Công ty tiến hành khởi kiện. Đồng thời phối hợp trong việc tổ chức kiểm đếm, định giá vườn cây theo đúng quy định của pháp luật.

- Kiểm tra diện tích cà phê phát triển kém theo đề nghị của người nhận khoán và giải quyết cho thanh lý 5,52 ha /5 lô.

2. Về Kinh doanh:

2.1 Kinh doanh cà phê:

Năm 2023 cũng là một năm kinh doanh gặp khó khăn bởi biến động giá cà phê trong nước tăng cao đột biến, sản lượng cà phê năm 2023 sụt giảm, thiếu hụt nguồn cung, trong khi đó hầu như các nhà xuất khẩu đã ký hợp đồng từ trong mùa vụ về sản lượng và giá. Tuy tình hình kinh tế biến động nhưng công ty đã có kế hoạch kinh doanh thận trọng và thực hiện tiết giảm nhiều chi phí để đạt hiệu quả kinh doanh tốt hơn. Do vậy về kinh doanh cà phê năm 2023 Công ty đã thực hiện xuất khẩu và bán nội địa cà phê thu mua ngoài là 8.008 tấn cà phê nhân, với doanh thu là: 429.400 triệu đồng.

2.2. Kết quả kinh doanh một số lĩnh vực khác:

Ngoài hoạt động kinh doanh chính là cà phê Công ty còn có doanh thu từ cho thuê kho, doanh thu từ hoạt động tài chính nhờ sử dụng dòng tiền linh hoạt,...

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023 so với KH năm 2023
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	8.238	8.302	99%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.008	8.000	100%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	230	302	76%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	469.085	379.483	124%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	456.040	372.183	123%
1.1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	429.400	352.383	122%
1.2	Doanh thu cà phê kế hoạch	Triệu đồng	14.374	12.300	117%
1.3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	12.266	6.800	180%
2	Doanh thu khác	Triệu đồng	13.045	7.300	179%
II	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.896	4.125	119%
III	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.361	825	165%
IV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	3.535	3.300	107%

III. Một số tồn tại hạn chế, nguyên nhân:

1. Tồn tại hạn chế:

Mặc dù đã có một số kết quả khả quan trong lĩnh vực sản xuất: như việc thu sản lượng giao khoán, thu các khoản nợ đạt cao hơn năm 2022 và một số trường hợp người nhận khoán đã ý thức được việc làm sai trái của mình nên đã tự nguyện ký hợp đồng giao khoán mới, trả nợ cho công ty và có những trường hợp đã tự nguyện thi hành án... tuy nhiên kết quả đạt được còn thấp, cụ thể đến nay người nhận khoán còn nợ công ty:

- Nợ sản lượng giao khoán từ năm 2018 đến 2023 là: 12.845.505 kg cà phê quả tươi tương đương khoảng hơn 230 tỷ đồng.

- Nợ tiền thuê đất (bao gồm truy thu và các năm từ 2018-2023): 13.208.162.239 đồng.

- Nợ tiền vay tái canh: 178.700 đồng.

- Nợ tiền phân vô cơ: 576.100.000 đồng.

- Trên 1000 hợp đồng (bao gồm hết hạn cũng như chưa hết hạn) chưa ký lại hợp đồng mới.

- Năm 2023 tình hình an ninh trật tự tại công ty vẫn còn diễn biến phức tạp, người nhận khoán vẫn tiếp tục chặt hạ, chiếm đoạt cây muồng đen, trong năm 2023 xảy ra 37 vụ, với số lượng cây 865 cây (từ 2018 đến nay: 22.417 cây); tự ý thanh lý vườn cây 7,69ha/14 lô, đã trồng lại 5,38 ha/10 lô, chưa trồng lại 2,58 ha/4 lô. Và tổ chức đông người đi ra Hà Nội khiếu kiện. Đồng thời tập trung đông người ngăn cản chống đối hội đồng do Tòa án nhân dân huyện tổ chức thẩm định định giá vườn cây...

- Công tác quyết toán vốn đến nay vẫn chưa thực hiện xong và phương án sử dụng đất tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương vẫn chưa được phê duyệt làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Nguyên nhân:

- Công tác vận động tuyên truyền vẫn còn nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao do người dân cố tình không hợp tác.

- Công tác kiểm tra, quản lý lô đồng có những lúc, những thời điểm vẫn chưa sát sao, dẫn đến việc chưa phát hiện kịp thời một số vụ việc vi phạm trên lô cà phê.

- Các bản án dân sự sơ thẩm, phúc thẩm về tranh chấp hợp đồng giao khoán giữa công ty và người nhận khoán có hiệu lực pháp luật đã khá lâu (có những vụ đã 02 năm nay) nhưng cơ quan thi hành án vẫn chưa tổ chức thực hiện được, cũng như nhóm người cầm đầu xúi dục, lôi kéo người nhận khoán chống đối Công ty vẫn chưa được xử lý dẫn đến việc coi thường pháp luật và chống đối công ty.

IV. Công tác tổ chức bộ máy, lao động

1. Công tác tổ chức và nhân sự:

Tổng số lao động đến 31/12/2023 là 78 người, trong đó: có 31 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 20 người chiếm 25.64 %; trình độ cao đẳng là 6

người chiếm 7.70 %, trình độ trung cấp là 5 người chiếm 6.41 %; Lao động phổ thông là 47 người, chiếm 60.25 %.

2. Về tình hình đời sống, việc làm & an toàn sản xuất cho người lao động

- Công ty vẫn duy trì công việc ổn định cho người lao động với mức thu nhập bình quân: 8.610.230 đồng/người/tháng (Đối với cán bộ nhân viên gián tiếp) và 5.349.880 đồng/người/ tháng (đối với công nhân chế biến cà phê).

- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động đầy đủ.

- Công tác an toàn vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ luôn được Công ty quan tâm thực hiện, phổ biến, tuyên truyền, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho người lao động nhằm nâng cao nhận thức về an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ.

- Công tác trang bị đồng phục, bảo hộ lao động cho người lao động được Công ty thực hiện hàng năm theo quy định.

3. Thực hiện chế độ Bảo hiểm đối với người lao động:

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách BHXH, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Cụ thể như sau:

- Bảo hiểm xã hội: 1.551.472.328 đồng; đạt 100%
- Bảo hiểm thất nghiệp: 110.971.422 đồng; đạt 100%
- Bảo hiểm y tế: 261.730.281 đồng; đạt 100%

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Năm 2024 dự báo tình hình sản xuất, kinh doanh của công ty và công tác an ninh trật tự vẫn tiếp tục gặp những khó khăn cơ bản. Trong đó về sản xuất người nhận khoán vườn cà phê vẫn chưa hợp tác với công ty để bàn bạc, giải quyết, tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc nhằm tạo ra sự đồng thuận và hài hòa lợi ích hợp pháp giữa các bên liên quan, do vậy ảnh hưởng đến công tác quản lý, đầu tư, chăm sóc vườn cà phê, công tác thu nộp sản lượng giao khoán, các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước và các khoản nợ phải thu. Về kinh doanh sẽ gặp khó khăn do ảnh hưởng chiến tranh, lạm phát, chi phí đầu vào tăng, sức tiêu thụ giảm...

Trên cơ sở đó Ban Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

1. Mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	KH năm 2024 so với TH năm 2023	Ghi chú
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	8.238	6.310	77%	
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.008	6.000	75%	
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	230	310	135%	
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH					
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	469.085	395.586	84%	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	456.040	384.486	84%	
1.1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	429.400	354.000	82%	
1.2	Doanh thu cà phê kế hoạch	Triệu đồng	14.374	16.926	118%	Giá thu sản dự kiến 10.000đ/kg cà phê quả tươi
1.3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	12.266	13.560	111%	
2	Doanh thu khác	Triệu đồng	13.045	11.100	85%	
II	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	4.896	5.114	104%	
III	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.361	1.023	75%	
IV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	3.535	4.091	116%	

2. Những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể:

2.1. Đối với hoạt động sản xuất vườn cà phê

- Toàn thể cán bộ nhân viên công ty tiếp tục nỗ lực phấn đấu yên tâm công tác có lập trường kiên định vững vàng, ý thức trách nhiệm với công việc, khắc phục những tồn tại, hạn chế, những khó khăn trong năm 2023 để hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường hơn nữa công tác tuần tra, kiểm tra lô đồng để nắm bắt, ghi nhận và báo cáo và xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm trên lô cà phê nhận khoán, đặc biệt là những lô đã có bản án của Tòa án để không làm thất thoát tài sản của công ty, cũng như phát sinh thêm các loại tài sản khác ngoài bản án gây khó khăn trong quá trình thi hành án.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác vận động tuyên truyền đối với người nhận khoán để mọi người từng bước có nhận thức đúng đắn từ đó hợp tác với công ty trong việc thực hiện nghiêm túc hợp đồng giao khoán. Phấn đấu năm 2024 ký thêm được từ 50 hợp đồng mới trở lên.

- Tăng cường công tác thu hồi các khoản nợ với nhiều hình thức và biện pháp nhằm đạt kết quả tăng cao hơn năm 2023 từ 30% trở lên.

- Rà soát, lập đoàn đi kiểm tra thực tế đánh giá và xin ý kiến HĐQT cho thanh lý một số vườn cà phê phát triển kém, năng suất thấp theo đề nghị của người nhận khoán (nếu có). Chủ trương Công ty sẽ cùng đầu tư vốn ngay từ năm đầu thực hiện trồng mới tái canh vườn cà phê. Đồng thời xây dựng quy trình, định mức đầu tư trồng mới tái canh để triển khai thực hiện.

- Tiếp tục khởi kiện thêm một số trường hợp đầu đơn, cũng như tự ý chuyển nhượng vườn cà phê cho nhau không thông qua công ty.

- Phối hợp với cơ quan thi hành thi hành nghiêm, triệt để đối với các bản án đã có hiệu lực pháp luật nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật để tình hình công ty từng bước ổn định. Hình thức thực hiện Công ty sẽ tiếp nhận bàn giao tài sản thi hành án từ cơ quan thi hành án, tổ chức đấu giá giao khoán vườn cà phê, ký kết hợp đồng giao khoán cho người trúng đấu giá.

2.2. Đối với hoạt động kinh doanh cà phê thu mua ngoài

- Căn cứ vào tình hình thị trường để điều chỉnh sản lượng mua bán hợp lý, chào bán đa dạng sản phẩm, theo dõi chốt giá phù hợp đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

- Duy trì chất lượng hàng chế biến ước để củng cố hình ảnh, thương hiệu công ty.

- Đẩy mạnh chào bán cho các đối tác truyền thống. Đồng thời tăng cường kết nối, thiết lập mối quan hệ với khách hàng mới để chào bán. Đẩy mạnh kênh bán hàng nội địa.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng hàng hóa đầu vào và đầu ra đạt chất lượng tốt nhất, đáp ứng được nhu cầu hàng hóa của khách hàng.

- Đầu tư thêm Xưởng chế biến diện tích khoảng 5000 m² với công nghệ hiện đại để đáp ứng nhu cầu thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.

2.3. Đối với hoạt động chế biến cà phê rang xay và hòa tan

- Tập trung hoàn thiện cơ sở vật chất, hệ thống máy móc thiết bị và nhân sự cho xưởng sản xuất cà phê rang xay và hòa tan.

- Phát triển thị trường đối với sản phẩm cà phê rang xay, hòa tan trong và ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu.

- Triển khai việc sản xuất chế biến, kinh doanh cà phê bột theo đúng phương án và kế hoạch đề ra.

2.4. Các lĩnh vực kinh doanh khác

- Linh hoạt trong hoạt động tài chính để tăng thu, giảm chi phí lãi vay.

- Xây dựng thêm xưởng tại trụ sở Công ty để đáp ứng nhu cầu thuê kho tại địa bàn. Nâng cao hiệu quả việc sử dụng, cho thuê nhà kho nhà xưởng.

2.5. Một số nhiệm vụ khác

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp, phối hợp với công đoàn tổ chức hội nghị người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là một số đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2024 kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị đại biểu./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu: VT.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Xuân Thọ

Số: 73/2024/BC – HĐQT

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

Tháng 04 năm 2023, Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi đã tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị ghi nhận công tác chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám đốc, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm và đóng góp của tất cả Cán bộ, công nhân viên, người lao động. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi xin báo cáo kết quả hoạt động của năm 2023 bám sát theo kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm.

I. CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2023.

1. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị công ty hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động công ty.

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi đã tiến hành 17 phiên họp và ban hành 16 Nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/NQ – HĐQT	07/02/2023	V/v thông qua việc trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 xem xét thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận năm 2021; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý IV năm 2022 và kế hoạch năm 2023 số 20a/BC – CTCP ngày 01/02/2023 của Tổng Giám Đốc; Báo cáo tài chính Quý IV/2022.	80%

2	02/2023/NQ – HĐQT	07/02/2023	V/v thông qua ký kết thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp năm 2023; sửa đổi bổ sung Nội quy lao động	100%
3	06/2023/NQ – HĐQT	23/02/2023	V/v thông qua phương án xử lý vườn cây cà phê trồng năm 1994 tại đội 19/8 thuộc thửa đất số 490; Tờ bản đồ 68; Diện tích 1,08059 ha	100%
4	07/2023/NQ – HĐQT	10/03/2023	V/v thông qua phương án tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
5	08/2023/NQ – HĐQT	10/03/2023	V/v thông qua ban hành mức lương của Cán bộ nhân viên Công ty	100%
6	09/2023/NQ- HĐQT	30/03/2023	V/v thông qua các nội dung tài liệu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
7	10/2023/NQ- HĐQT	30/03/2023	V/v ký kết lại hợp đồng giao khoán mới và các nội dung khác liên quan đối với người nhận khoán vườn cây cà phê	60%
8	11/2023/NQ - HĐQT	21/04/2023	V/v thông qua ký kết lại hợp đồng giao khoán mới và các nội dung khác liên quan đối với người nhận khoán vườn cây cà phê	100%
9	15/2023/NQ – HĐQT	17/05/2023	V/v thông qua báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh Quý I và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Quý II năm 2023	100%
10	17/2023/NQ – HĐQT	15/06/2023	V/v miễn nhiệm và bổ nhiệm mới chức vụ Kế toán trưởng công ty	100%
11	19/NQ – HĐQT	21/06/2023	V/v thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	100%
12	20/2023/NQ - HĐQT	22/09/2023	V/v trình HĐQT xem xét thông qua Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm và	100%

			bổ nhiệm bổ sung thành viên Ban kiểm soát	
13	21/2023/NQ - HĐQT	10/10/2023	Về việc phê duyệt chính sách giảm sản lượng nộp giao khoán vụ năm 2023	100%
14	25/2023/NQ - HĐQT	14/11/2023	Về việc chia tách sáp nhập bộ phận phòng ban của Công ty	100%
15	26/2023/NQ – HĐQT	20/11/2023	Về việc xin ngừng triển khai dự án nhà máy điện gió, điện mặt trời nổi Thắng Lợi Đăk Lăk	100%
16	27/2023/NQ – HĐQT	27/12/2023	V/v thông qua trường hợp Nguyễn Huy Công người nhận khoán xin chuyển nhượng vườn cây cà phê; chủ trương xử lý vườn cây cà phê của Công ty tại đơn vị 19/8	100%

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược về nhân sự ... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi.

Hội đồng quản trị duy trì họp theo quy định mỗi quý ít nhất họp một lần để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự tham gia của Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng quản trị cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn và một số vấn đề còn tồn đọng chưa thể giải quyết như:

- Về phần tài chính: Công ty vẫn chưa được phê duyệt quyết toán bàn giao vốn giữa Công ty TNHH MTV Cà Phê Thắng Lợi và Công ty cổ phần Cà Phê Thắng Lợi làm ảnh hưởng đến hoạt động tài chính của Công ty.

- Về sản xuất: Tình hình sản xuất của Công ty tiếp tục gặp khó khăn bởi đa số người nhận khoán vẫn chưa hợp tác với Công ty trong thực hiện hợp đồng giao khoán, cụ thể: không giao nộp sản lượng giao khoán năm 2023; không trả nợ sản lượng còn nợ của các năm từ 2018-2022, mặc dù Công ty đã có chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị

công ty ban hành (hỗ trợ chính sách sản lượng giao khoán được giảm từ 10- 30% đối với những trường hợp giao nộp đủ sản lượng giao khoán năm 2023 và trả đầy đủ hoặc một phần các khoản nợ); không ký hợp đồng giao khoán mới khi hợp đồng đã hết thời hạn, tái canh lên trồng mới; tiếp tục chặt hạ, chiếm đoạt trái phép cây muồng đen, tự ý thanh lý lô cà phê, tự ý rào lấn chiếm và chắn đường lô...làm thất thoát tài sản của Công ty (trong đó có vốn Nhà nước và các cổ đông). Từ năm 2018 đến nay đều không nộp hoặc nộp không đủ sản lượng giao khoán và người nhận khoán, hộ liên kết không nộp tiền thuê đất và các khoản nợ khác từ năm 2018 đến nay theo quy định, vi phạm nội quy quy chế của Công ty, cụ thể:

Thu nợ sản lượng giao khoán 2018; 2019; 2020; 2021; 2022 và thu sản lượng năm 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn nợ cuối kỳ
			Phát sinh tăng (Phải nộp trong kỳ)	Phát sinh giảm (đã nộp trong kỳ)	
Sản lượng giao khoán	Kg cà phê quả tươi	10.861.658	3.048.334	1.064.236	12.845.756 <i>(Tương đương trên 230 tỷ đồng)</i>
Tiền thuê đất	Đồng	13.137.251.950	1.704.734.605	1.633.824.316	13.208.162.239
Vay tái canh	Đồng	178.700.000	0	0	178.700.000
Phân vô cơ	Đồng	610.404.000	0	34.304.000	576.100.000

- Về Kinh doanh: Năm 2023 cũng là một năm kinh doanh gặp khó khăn bởi biến động giá cà phê trong nước tăng đột biến cao nhất trong lịch sử, trong khi giá bán xuất khẩu không tăng nhiều. Tuy tình hình kinh tế biến động nhưng công ty đã có kế hoạch kinh doanh thận trọng và thực hiện tiết giảm nhiều chi phí để đạt hiệu quả kinh doanh tốt hơn. Do vậy về kinh doanh năm 2023 cũng đã có tiến triển hơn cụ thể là:

- Tổng khối lượng hàng hóa xuất khẩu và bán nội địa cà phê thu mua ngoài là 8.008 tấn cà phê nhân.
- Doanh thu xuất khẩu và bán nội địa cà phê thu mua ngoài: 429.400 triệu đồng

Các chỉ tiêu cơ bản năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023 so với KH năm 2023
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	8.238	8.302	99%
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.008	8.000	100%
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	230	302	76%
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	469.085	379.483	124%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	456.040	372.183	123%
1.1	Doanh thu cà phê thu mua ngoài	Triệu đồng	429.400	352.383	122%
1.2	Doanh thu cà phê cà phê kế hoạch	Triệu đồng	14.374	12.300	117%
1.3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	12.266	6.800	180%
2	Doanh thu khác	Triệu đồng	13.045	7.300	179%
II	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	4.896	4.125	119%
III	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.361	825	165%
IV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	3.535	3.300	107%

3. Về phần chi trả thù lao, tiền thưởng và các chế độ khác cho thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2023:

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với HĐQT và BKS. Trong năm 2023 thực hiện chi trả tổng thù lao và thưởng của HĐQT và BKS cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Đối tượng	Kế hoạch năm 2023	Thực chi năm 2023
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách và các Thành viên HĐQT không chuyên trách	500.000.000	331.809.574
2	Ban kiểm soát (3TV)	84.000.000	25.800.000
	Tổng cộng	584.000.000	357.609.574

4. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, HĐQT thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành Công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua những công cụ giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, các mẫu biểu, văn bản báo cáo của Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý các phòng nghiệp vụ chuyên môn như sau:

+ Trong năm 2023 Ban điều hành đã đạt thực hiện triển khai đúng và đầy đủ các Nghị quyết của HĐQT và đạt được những kết quả nhất định.

+ Ban điều hành đã có nhiều cố gắng, đoàn kết và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

- Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, sự đồng lòng của cán bộ, công nhân viên, người lao động, Công ty sẽ vượt qua các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, từng bước khắc phục các trở ngại trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phía trước.

5. Kết quả giám sát đối với Trưởng - Phó các Phòng ban, Chi nhánh, Địa điểm kinh doanh:

Hội đồng quản trị luôn song hành cùng Ban điều hành và Trưởng – Phó các bộ phận trong từng hoạt động, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên làm việc với Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác, định kỳ họp giao ban bình quân 01 lần/tháng để nắm bắt tiến độ xử lý công việc. Các thành viên của Hội đồng quản trị thường xuyên hội ý, thống nhất các giải pháp về đầu tư, tài chính, kinh doanh, giảm thiểu các chi phí vận hành để đảm bảo nguồn tài chính của công ty... Vì vậy, Công ty đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông năm 2023 đề ra.

6. Đối với các giao dịch giữa công ty và người liên quan của Công ty:

Theo kết quả giám sát cũng như các số liệu báo cáo, không có các giao dịch giữa công ty với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

7. Tổng kết phương hướng nhiệm vụ đã triển khai theo kế hoạch năm 2023

HDQT đã bám sát tình hình, phân tích các yếu tố tác động, dự báo các ảnh hưởng, từ đó xây dựng định hướng chiến lược phát triển và triển khai kế hoạch hành động cụ thể:

- Đối với hoạt động sản xuất, HDQT đưa ra các phương án chỉ đạo xử lý nghiêm việc các chủ hộ vi phạm nghĩa vụ đối với công ty bằng việc khởi kiện ra tòa yêu cầu chấm dứt hợp đồng, thu hồi lô đất giao khoán đồng thời yêu cầu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với công ty. Chỉ đạo Ban Tổng Giám Đốc theo sát chỉ đạo và tích cực làm việc với các cơ quan chức năng đề nghị đẩy nhanh công tác thi hành án đối với các bản án của Tòa án xét xử đã có hiệu lực pháp lý.

- Đối với hoạt động kinh doanh xuất khẩu, HDQT chỉ đạo Ban Tổng Giám Đốc bám sát với kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt để chỉ đạo phòng nghiệp vụ chuyên môn đưa ra các biện pháp kinh doanh phát triển thị trường đầu vào và đầu ra, xây dựng quy trình sản xuất hàng hóa của công ty tiêu chí tiết kiệm nguyên nhiên liệu sản xuất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng hàng hóa. Cũng trong năm 2023, với các lợi thế hiện có của Công ty vì vậy Hội Đồng Quản Trị đã phê duyệt và đưa ra các phương án kinh doanh về mảng sản xuất kinh doanh cà phê rang xay hòa tan.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

- Năm 2024 Hội đồng quản trị sẽ từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị để kịp thời phối hợp và xử lý xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác quản trị và tối đa lợi ích của cổ đông.

- Hội đồng quản trị cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao tuân thủ đúng quy định pháp luật nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị quyền lợi cho các cổ đông. Ngoài những nhiệm vụ được giao theo các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	KH năm 2024 so với TH năm 2023	Ghi chú
A	SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Tấn nhân	8.238	6.310	77%	
1	Cà phê nhân thu mua ngoài	Tấn nhân	8.008	6.000	75%	
2	Cà phê tự trồng	Tấn nhân	230	310	135%	
B	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH					
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	469.085	395.586	84%	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	456.040	384.486	84%	
1.1	Doanh thu cà phê nhân thu mua ngoài	Triệu đồng	429.400	354.000	82%	
1.2	Doanh thu cà phê kế hoạch	Triệu đồng	14.374	16.926	118%	Giá thu sản dự kiến 10.000đ/kg cà phê quả tươi
1.3	Doanh thu cho thuê nhà xưởng	Triệu đồng	12.266	13.560	111%	
2	Doanh thu khác	Triệu đồng	13.045	11.100	85%	
II	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	4.896	5.114	104%	
III	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.361	1.023	75%	
IV	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	3.535	4.091	116%	

2. Giải pháp thực hiện.

- Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tập trung công tác thu sản lượng nợ của người nhận khoán thông qua việc kết hợp với các cơ quan chính quyền địa phương, đồng thời nghiên cứu và đưa ra các chính sách hỗ trợ phù hợp, chính sách khuyến khích áp dụng cho người nhận khoán.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống kho Xưởng sản xuất cà phê với công nghệ hiện đại để đáp ứng nhu cầu thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty. Xây dựng thêm xưởng tại trụ sở Công ty để đáp ứng nhu cầu thuê kho tại địa bàn. Nâng cao hiệu quả việc sử dụng, cho thuê nhà kho nhà xưởng.

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo triển khai các công việc đầu tư phát triển lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng cà phê rang xay hòa tan. Đẩy mạnh phát triển kinh doanh cả thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Tiếp tục gắn kết và tạo uy tín đối với các đối tác cũ bao gồm cả đầu vào và đầu ra của Công ty, tăng sản lượng mua bán.

- Xúc tiến mở rộng thị phần trong tỉnh và các tỉnh lân cận, tìm kiếm các đối tác mới, liên kết kinh doanh với các công ty, doanh nghiệp hợp tác xã trồng, chế biến cà phê; Phát triển tìm kiếm khách hàng đầu ra trong nước và quốc tế thông qua môi giới và các công ty nước ngoài đang kinh doanh cà phê trong nước.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ khối lượng, chất lượng hàng hóa nhập vào, xuất đi theo đúng hợp đồng ký kết; bố trí, sắp xếp lại tổ chức sản xuất tại xưởng sản xuất cà phê, cũng như rà soát lại định mức giao khoán cho phù hợp thị trường.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc tích cực, hiện đại, quyết liệt, tăng cường đào tạo phát triển nhân sự để xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, vững mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của Công ty.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lữ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Số: 74/2024/BC – BKS

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi;
Căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc;

Theo chương trình kiểm soát 2023, Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 về kết quả kiểm soát như sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát 2023:

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ là 02 lần/năm và kiểm tra giám sát tuân thủ việc triển khai Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023, các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành theo các quy định quản trị doanh nghiệp và điều lệ công ty. Cụ thể như sau:

1.1 Các công việc đã thực hiện được:

- Ban kiểm soát luôn bám sát kế hoạch năm 2023, trong đó tập trung vào việc giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc điều hành quản lý công ty. Qua giám sát cho thấy việc hoạt động của HĐQT đã tuân thủ theo đúng điều lệ của Công ty ban hành. Tuy nhiên qua việc giám sát cho thấy Ban Tổng giám đốc chưa thật chủ động, sáng tạo trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, tình trạng chặt phá, chiếm đoạt cây muồng đen, lấn chiếm bờ lô, rào vườn cây cà phê nhận khoán trái phép... Vẫn diễn ra thường xuyên song chưa được ngăn chặn kịp thời, mới chỉ dừng lại ở việc lập biên bản vi phạm, nhưng người vi phạm không ký vào biên bản, đồng thời không báo cáo chính quyền địa phương để nãh chặn và giải quyết dứt điểm. Nhiều người nhận khoán vi phạm hợp đồng giao khoán rất nghiêm trọng như: Tự ý chặt tải cà phê để ưu tiên phát

triển cây Sầu riêng và trồng nhiều cây trồng xen khác (Mắc ca, Bơ, Nhãn, Cau, Tiêu, nghệ...) nhưng không kiểm tra, kiểm soát và tiến hành lập biên bản và xử lý kịp thời dẫn đến vườn cà phê giảm về số lượng cũng như chất lượng, năng suất giảm sâu. Việc ký kết hợp đồng giao khoán (đối với những hợp đồng đã hết hạn) chậm thực hiện, kết quả thấp hiện nay có trên 989 hợp đồng khoán gọn đã hết thời hạn nhưng chỉ mới có 183 hợp đồng được ký mới chiếm khoảng gần 20%. Ngoài ra đối với những người nhận khoán hợp đồng giao khoán còn thời hạn nhưng cần chuyển đổi hợp đồng sang tư cách pháp nhân mới thực được 64/264 chiếm 24,24% còn lại 75,76% chưa thực hiện. Việc ký kết hợp đồng đối với những người nhận khoán thực hiện việc trồng mới sau thanh lý vườn cây mới $20/57 = 35,09\%$ còn 64,91% người chưa thực hiện với diện tích trên 20 ha.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, tính thống nhất, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê, báo cáo tài chính.

- Kiến nghị HĐQT có biện pháp sửa đổi, bổ sung cải tiến việc theo dõi đối chiếu công nợ (nhất là đối với các hợp đồng nhận khoán đã hết hạn hợp đồng nhưng không đến đối chiếu công nợ với Công ty ...), gây khó khăn cho việc thu hồi công nợ, ảnh hưởng đến cơ cấu vốn, nguồn tài chính trong sản xuất kinh doanh. Tăng cường quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Đề nghị Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo các bộ phận chức năng bổ sung, kiện toàn hồ sơ công nợ, các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc vi phạm hợp đồng giao khoán để tiến hành khởi kiện những người nhận khoán không hợp tác không trả nợ cho Công ty ra Tòa, để đòi nợ và chấm dứt hợp đồng, trả lại vườn cây cho Công ty theo quy định của pháp luật .

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị Công ty.

1.2. Hạn chế cần khắc phục: Trong năm 2023 Ban kiểm soát hoạt động giám sát chưa đều, đôi khi còn lúng túng bị động, chưa xây dựng cụ thể kế hoạch giám sát trong năm. Nguyên nhân: Do 100% thành viên ban kiểm soát là kiêm nhiệm và bận việc chuyên môn, nên chưa thực hiện được giám sát về việc ban hành nghị quyết của HĐQT về việc thanh toán chi phí đầu tư đối với người nhận khoán có diện tích tăng so với hợp đồng khoán cũ nay chuyển sang hợp đồng mới có diện tích tăng thêm, đôi lúc ban kiểm soát có phân sao những nhiệm vụ được giao...

- Mặt khác hiện nay có một số hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, hợp đồng khoán gọn... với các đối tác cần phải nghiên cứu chặt chẽ hơn để đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đồng thời giảm thiểu thiệt hại đối với Công ty khi có tranh chấp hợp đồng xảy ra, nhưng chưa được ban kiểm soát quan tâm giám sát đúng mức.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành năm 2022:

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát (“BKS”) đã triển khai hoạt động giám sát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát không phát hiện gian lận trong hoạt động điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành cũng như trưởng các phòng ban của Công ty. Tuy nhiên việc điều hành sản xuất, quản lý vườn cây, theo dõi công nợ, theo dõi hợp đồng giao khoán vẫn chậm được cải thiện, nhiều vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh chưa được giải quyết kịp thời.

Các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành được tổ chức theo đúng quy định, các Nghị quyết được ban hành trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty và các Cổ đông.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc; Báo cáo tài chính được đơn vị kiểm toán xác nhận đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi tại thời điểm 31/12/2023, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các chỉ tiêu cơ bản theo Báo cáo tài chính kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023
1	Tổng doanh thu bán hàng	469.085.408.057
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.896.414.423
3	Tài sản ngắn hạn	217.172.791.562
4	Tài sản dài hạn	62.165.281.250
5	Nợ phải trả	140.456.674.037
6	Vốn chủ sở hữu	138.881.398.775

4. Thù lao, tiền thưởng của Ban Kiểm soát năm 2023:

Ban kiểm soát đã nỗ lực trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao và đã được chi trả thù lao, tiền thưởng với tổng số tiền là 25.800.000 đ/năm.

5. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông:

- BKS phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và các nghị quyết HĐQT.

- BKS đã nhận được đầy đủ các thông tin và nghị quyết của HĐQT, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty.

- Kiểm soát viên tham dự các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ.

- BKS duy trì độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình. Trong năm 2023, BKS cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

6. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát

- Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy chế nội bộ có liên quan, BKS trong năm 2023 đã nỗ lực hoàn thành các công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Tuy nhiên mức độ hoàn thành chưa cao.

- Trong năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đã miễn nhiệm và bổ nhiệm mới một thành viên BKS, BKS đã tổ chức họp để phân công nhiệm vụ cho thành viên mới, trong năm 02 lần để phân công nhiệm vụ kiểm tra giám sát cho từng thành viên trong ban để đạt được hiệu quả cao trong quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty. Qua công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2023, BKS có kết luận, kiến nghị như sau:

1. Về cơ bản Công ty và các thành viên HĐQT, BKS, BTGD, và các phòng ban của Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Tuy nhiên việc giám sát hoạt động của các phòng ban bộ phận của HĐQT, BTGD đôi khi chưa sâu sát và kịp thời.

2. Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng của Công ty khẩn trương chuẩn bị các tài liệu liên quan đến việc định giá tài sản Công ty TNHH MTV cà phê Thắng Lợi; Có kế hoạch làm việc với các ngành chức năng của địa phương và Trung ương để điều chỉnh vốn, tài sản của Công ty cổ phần hóa. Sớm bàn giao tài sản từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần. Đồng thời chuẩn bị tài liệu để Công ty trả lời đầy đủ ý kiến của người nhận khoán theo quy định của pháp luật (trên 800 đơn phản ánh, trên 700 đơn khởi kiện của người nhận khoán đối với Công ty) thể hiện sự minh bạch trong giao khoán cũng như sản xuất kinh doanh...Đầu năm 2024 Công ty đã chuẩn bị kỹ tài liệu, chứng cứ cho đoàn thanh tra tỉnh - Về việc thanh tra một số lĩnh vực trong công ty. Hiện nay Đoàn thanh tra đang làm việc theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian tới đề nghị Công ty cần lưu ý trong việc kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý và hệ thống nhân sự, hợp đồng lao động đúng quy định của pháp luật, để phù hợp với quy mô hiện tại cũng như xu hướng phát triển của công ty để mở rộng sản

xuất kinh doanh, tạo sản phẩm mới đa dạng nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

4. Hiện nay nợ còn tồn đọng của người nhận khoán vườn cà phê của Công ty từ năm 2018 đến nay quá nhiều (khoảng trên 150 tỷ). Do vậy ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Những người nợ chủ yếu là cá nhân đang hợp đồng giao khoán với Công ty (06 niên vụ không nộp sản lượng giao khoán) nhiều người nhận khoán tự ý sang nhượng trái phép, một số người đã chết nhưng chưa giải quyết chuyển hợp đồng giao khoán theo đúng quy định, một số hộ thực hiện tái canh từ những năm trước đây cố tình không hợp tác với Công ty để thực hiện nghĩa vụ theo bản cam kết trước khi xin thanh lý vườn cây... Chính vì vậy, đề nghị hội đồng quản trị chỉ đạo các phòng ban chức năng tích cực, tìm mọi giải pháp để thu hồi công nợ. Đối với những trường hợp chây ì, không nộp sản lượng giao khoán, không thanh lý hợp đồng đã hết thời hạn giao khoán và ký kết hợp đồng giao khoán mới, không ký hợp đồng giao khoán chuyển sang kinh doanh, không hợp tác với Công ty thì kiên quyết khởi kiện ra tòa, thu hồi vườn cây theo đúng quy định của pháp luật.

5, Ban Tổng giám đốc, HĐQT tích cực liên hệ UBND huyện Krông Pắc, UBND huyện CưMgar, UBND thành phố Buôn Ma Thuột các cơ quan thi hành án và các ngành chức năng để thi hành các bản án đã có hiệu lực pháp luật, nhằm đảm bảo kỷ cương pháp luật, bảo vệ tài sản và nguồn vốn của nhà nước tại Công ty và quyền lợi chính đáng của cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Đình Bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN THÔNG TIN TÀI CHÍNH	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi tiền thân là Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi được cổ phần hóa theo quyết định 1128/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần từ ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 02 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 126.500.000.000 VND (Một trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Xuân Thụ	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Thành viên
Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Xuân Thụ	Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Đỗ Hoàng Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị (sinh ngày 03/7/1957; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 037057001333 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 20/11/2017; địa chỉ thường trú: số 12 đường Trịnh Tú, phố Kim Đa, đường Ninh Khánh, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng kỳ này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024



Số: 056/2024/BCKT-PB.00333

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần do các vấn đề xử lý các tồn tại tài chính còn vướng mắc. Công ty đã có công văn số 733/CV-TL ngày 01 tháng 12 năm 2020 gửi UBND Tỉnh Đắk Lắk, Sở Tài chính Đắk Lắk và Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi, theo đó trình xem xét quyết toán chi phí cổ phần hóa 1.089.000.000 VND, đồng thời kiến nghị xử lý giảm trừ một số khoản phải thu của các hộ nhận khoán, khoản âm quỹ khen thưởng phúc lợi, khoản tài sản thiếu chờ xử lý là giá trị còn lại của TSCĐ vườn cây cà phê bị các hộ tự ý chặt phá và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang năm 2018 không thu được sản lượng theo hợp đồng khoán vào giá trị phải nộp về Nhà Nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị của các khoản giảm trừ trên còn lại là 10.411.813.318 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan quản lý, các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 8.1, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, về số liệu so sánh như sau:

Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi vẫn chưa được phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần. Do vậy, số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty có thể thay đổi khi có quyết định phê duyệt chính thức.

Bên cạnh đó số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 đã được Công ty điều chỉnh. Kết luận kiểm toán của chúng tôi không bị ngoại trừ do ảnh hưởng của vấn đề này.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 0855-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

– CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2024

A blue ink signature of Nguyễn Văn Vinh.

NGUYỄN VĂN VINH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5023-2020-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B01 - DN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh lại) VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		217.172.791.562	141.379.851.336
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	656.615.343	1.136.731.873
1. Tiền	111		656.615.343	1.136.731.873
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	62.820.000.000	53.480.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		62.820.000.000	53.480.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.279.055.963	22.668.996.739
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	17.439.406.266	13.285.943.363
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.161.908.892	1.901.708.092
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	16.422.392.249	15.959.043.446
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(11.755.788.071)	(8.488.834.789)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		11.136.627	11.136.627
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	128.403.229.117	63.097.319.351
1. Hàng tồn kho	141		128.403.229.117	63.097.319.351
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		1.013.891.139	996.803.373
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	149.237.238	137.969.056
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		729.501.991	858.834.317
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	135.151.910	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62.165.281.250	68.674.124.167
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		35.147.164.629	37.037.716.695
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	34.855.737.345	36.655.417.407
- Nguyên giá	222		147.788.706.331	145.115.080.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.932.968.986)	(108.459.663.246)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	291.427.284	382.299.288
- Nguyên giá	228		454.360.000	454.360.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(162.932.716)	(72.060.712)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.10	13.336.343.772	14.769.371.544
- Nguyên giá	231		31.556.798.566	31.556.798.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(18.220.454.794)	(16.787.427.022)
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		3.530.847.492	5.740.992.183
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	3.530.847.492	5.740.992.183
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		10.150.925.357	11.126.043.745
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	10.150.925.357	11.126.043.745
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		279.338.072.812	210.053.975.503

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B01 - DN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh lại) VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		140.456.674.037	74.707.624.011
I/ Nợ ngắn hạn	310		138.376.199.037	72.627.149.011
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	784.237.328	10.057.445.818
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	14.747.400	80.516.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.850.233.426	3.718.938.119
4. Phải trả người lao động	314		815.509.684	565.591.272
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	922.452.376	913.538.432
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	10.418.545.808	11.347.287.530
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	124.122.437.175	47.495.796.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(1.551.964.160)	(1.551.964.160)
II/ Nợ dài hạn	330		2.080.475.000	2.080.475.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	2.080.475.000	2.080.475.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138.881.398.775	135.346.351.492
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	138.881.398.775	135.346.351.492
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.500.000.000	126.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.500.000.000	126.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.495.095.820	7.495.095.820
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.886.302.955	1.351.255.672
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.351.255.672	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.535.047.283	1.351.255.672
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		279.338.072.812	210.053.975.503

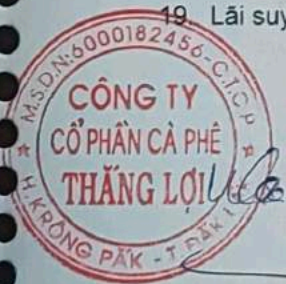


Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Quỳnh Như
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Như
Người lập biểu

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(đã điều chỉnh lại) VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	456.039.524.753	450.680.425.982
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		456.039.524.753	450.680.425.982
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	434.197.763.367	432.601.251.463
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.841.761.386	18.079.174.519
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	7.396.020.274	6.495.366.459
7. Chi phí tài chính	22	6.04	6.074.212.616	3.995.324.849
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.094.969.535	1.320.389.704
8. Chi phí bán hàng	25	6.05	8.320.954.261	8.528.059.843
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	12.702.795.661	13.249.322.824
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.139.819.122	(1.198.166.538)
11. Thu nhập khác	31	6.07	5.649.863.030	5.028.168.900
12. Chi phí khác	32	6.08	2.893.267.729	1.903.444.876
13. Lợi nhuận khác	40		2.756.595.301	3.124.724.024
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.896.414.423	1.926.557.486
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.09	1.361.367.140	575.301.814
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.535.047.283	1.351.255.672
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	279	107
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	279	107



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Đỗ Hoàng Phúc
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Quỳnh Như
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Như
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

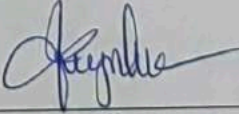
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

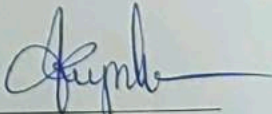
Mẫu số B03 - DN

Chi tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	435.898.663.457	368.882.468.095
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(491.510.021.289)	(376.092.519.585)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.602.109.997)	(5.408.129.075)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.144.465.853)	(1.174.227.194)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(675.271.067)	(22.188.640)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	14.241.577.356	15.058.379.879
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.704.683.318)	(20.621.471.442)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(67.496.310.711)	(19.377.687.962)
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.965.137.920)	(3.760.880.770)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(42.400.000.000)	(31.020.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	33.060.000.000	30.900.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.694.515.717	1.900.769.836
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.610.622.203)	(1.980.110.934)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	353.426.957.345	316.849.400.499
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(276.800.316.170)	(295.433.031.031)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	76.626.641.175	21.416.369.468
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(480.291.739)	58.570.572
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.136.731.873	1.078.161.301
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	175.209	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	656.615.343	1.136.731.873



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024


Nguyễn Thị Quỳnh Như
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Quỳnh Như
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi tiền thân là Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi được cổ phần hóa theo quyết định 1128/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần từ ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 02 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 126.500.000.000 VND (Một trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là trồng, khai thác và chế biến kinh doanh cà phê.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000182456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 02 năm 2023 hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cà phê;
- Chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê nhân;
- Chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê bột;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ công, nông nghiệp;
- Dịch vụ du lịch, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho;
- Mua bán vật liệu xây dựng, mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là các chi phí phân bổ trong thời hạn 12 tháng bao gồm cả các chi phí hoạt động chờ phân bổ tương ứng doanh thu trong năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê đất khu công nghiệp

Chi phí thuê đất KCN Nam Tân Uyên được phân bổ theo thời gian thuê đất là 518 tháng tương đương khoảng 43 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác gồm các chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm, chi phí khác được phân bổ không quá 03 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	10 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Vườn cây lâu năm	20

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điều lệ Công ty.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu các năm trước.

Lợi nhuận chưa phân phối được phân phối theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông sau khi bù trừ các khoản lỗ lũy kế (nếu có).

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay dài hạn trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng cơ bản thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn vay bình quân cho hoạt động chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết và vốn vay bình quân chăm sóc cho vườn cây cao su khai thác.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	154.936.869	405.683.109
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	501.678.474	731.048.764
<i>Tiền gửi VND</i>	481.457.916	716.802.850
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	20.220.558	14.245.914
Cộng	656.615.343	1.136.731.873

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	839,96	20.220.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	62.820.000.000	62.820.000.000	53.480.000.000	53.480.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	62.820.000.000	62.820.000.000	53.480.000.000	53.480.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	62.820.000.000	62.820.000.000	53.480.000.000	53.480.000.000

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng với giá trị tại ngày 31/12/2023 cụ thể như sau:

- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Vietcombank CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư tại ngày 31/12/2023 là 18.720.000.000 VND, lãi suất từ 4,3%/năm - 5,2%/năm.
- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP SHB CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư tại ngày 31/12/2023 là 9.000.000.000 VND, lãi suất từ 5,6%/năm - 7,5%/năm.
- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP TPB CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư tại ngày 31/12/2023 là 11.500.000.000 VND, lãi suất từ 4,5%/năm - 6,8%/năm.
- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Nam Á CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư tại ngày 31/12/2023 là 4.300.000.000 VND, lãi suất từ 5,7%/năm - 7,9%/năm.
- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư tại ngày 31/12/2023 là 14.800.000.000 VND, lãi suất từ 5,2%/năm - 6,9%/năm.
- Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Vietinbank CN Đắk Lắk với tổng giá trị dư tại ngày 31/12/2023 là 4.500.000.000 VND, lãi suất 4,8%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	17.439.406.266	-	13.285.943.363	-
MITSUI & CO.LTD	4.975.891.200	-	13.261.568.640	-
MARUBENI CORPOPATION	12.274.804.080	-	-	-
Các khách hàng khác	188.710.986	-	24.374.723	-
Cộng	17.439.406.266	-	13.285.943.363	-

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước các bên liên quan				
Trả trước các khách hàng khác	2.161.908.892	-	1.901.708.092	-
CN công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tâm Nhìn Mới	-	-	360.000.000	-
Công ty TNHH Công nghiệp OPP	-	-	246.400.000	-
Viện năng lượng Công ty TNHH TM Sản xuất Kỹ thuật cơ khí ANPHA	998.600.000	-	998.600.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Bảo Kim Phát	492.426.000	-	-	-
Các đối tượng khác	230.000.000	-	-	-
	440.882.892	-	296.708.092	-
Cộng	2.161.908.892	-	1.901.708.092	-

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính	847.235.233	-	571.188.384	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	-	-	1.194.500.521	-
Phải thu khác	15.575.157.018	(11.755.788.071)	14.193.354.541	(8.488.834.789)
<i>Tiền thuê đất công nhân phải nộp trước cổ phần hóa</i>	7.828.189.660	(7.828.189.660)	8.497.849.159	(7.936.461.989)
<i>Tiền thuê đất công nhân phải nộp năm 2023 (i)</i>	1.315.608.764	-	-	-
<i>Tiền thuê đất công nhân phải nộp năm 2022 (i)</i>	1.182.035.828	(591.017.914)	1.414.658.151	-
<i>Tiền thuê đất công nhân phải nộp năm 2021 (i)</i>	1.113.022.033	(779.115.423)	1.268.611.121	-
<i>Tiền thuê đất công nhân phải nộp năm 2020 (i)</i>	1.802.665.074	(1.802.665.074)	1.957.396.927	-
<i>Tiền phân bón công nhân phải nộp (i)</i>	576.100.000	(576.100.000)	610.404.000	(427.282.800)
<i>Vay tái canh (i)</i>	178.700.000	(178.700.000)	178.700.000	(125.090.000)
<i>Phải thu BHXH công nhân</i>	200.934.333	-	238.053.432	-
<i>Các khoản khác</i>	1.377.901.326	-	27.681.751	-
Cộng	16.422.392.251	(11.755.788.071)	15.959.043.446	(8.488.834.789)

Khoản tiền thuê đất của các hộ liên kết, hộ nhận khoán phải nộp theo tỷ lệ và khoản tiền phân bón đã bán từ các năm trước hiện chưa có đối chiếu xác nhận do các hộ này không nhận các thư đối chiếu và không hợp tác hoàn trả các khoản nợ cho Công ty. Hiện tại, Công ty đang kiến nghị UBND tỉnh Đắk Lắk, Ban chỉ đạo cổ phần hóa cho phép giảm trừ khoản công nợ này vào giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần ngày 08/10/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

Nợ xấu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tiền thuế đất công nhân phải nộp (trước 2020)	7.828.189.660	-	8.497.849.159	561.387.170
Tiền thuế đất công nhân phải nộp (2020)	1.802.665.074	-	-	-
Tiền thuế đất công nhân phải nộp (2021)	1.113.022.033	333.906.610	-	-
Tiền thuế đất công nhân phải nộp (2022)	1.182.035.828	591.017.914	-	-
Tiền phân bổ công nhân phải nộp	576.100.000	-	610.404.000	183.121.200
Tiền vay tài canh	178.700.000	-	178.700.000	53.610.000
Cộng	12.680.712.595	924.924.524	9.286.953.159	798.118.370

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn		Nợ phải thu, cho vay dài hạn		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	(8.488.834.789)	(8.488.834.789)	-	-	(8.488.834.789)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.936.032.980)	(3.936.032.980)	-	-	(3.936.032.980)	-
Hoàn nhập dự phòng	669.079.698	669.079.698	-	-	669.079.698	-
Tại ngày 31/12/2023	(11.755.788.071)	(11.755.788.071)	-	-	(11.755.788.071)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.004.509.042	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	919.372.763	-	1.105.579.462	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	10.954.890.167	-	10.358.921.499	-
Thành phẩm	-	-	6.392.051	-
Hàng hoá	115.524.457.145	-	51.626.426.339	-
Cộng	128.403.229.117	-	63.097.319.351	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm khoản chi phí sản xuất từ năm 2018 đến năm 2023 với giá trị là 10.954.890.167 VND tương ứng với sản lượng năm từ 2018 đến 2023 còn phải thu của các hộ nhận khoán.

Đối với khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang từ năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá việc thu hồi đủ là rất khó khăn và phát sinh rủi ro tiềm ẩn một khoản chi phí tổn động khó có khả năng thu hồi.

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn chờ phân bổ	149.237.238	137.969.056
Cộng	149.237.238	137.969.056

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	634.585.577	818.373.703
Chi phí sửa chữa tài sản	68.678.241	239.390.565
Chi phí thuê đất KCN Nam Tân Uyên (i)	9.447.661.539	10.068.279.477
Cộng	10.150.925.357	11.126.043.745

(i) Chi phí thuê kho Công ty tại KCN Nam Tân Uyên từ cuối năm 2019, diện tích thuê là 15.000 m², thời gian thuê là 35 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2023	53.951.067.009	27.906.477.339	3.252.329.565	130.387.273	59.874.819.467	145.115.080.653
Tăng trong kỳ	1.024.601.259	1.120.000.000	22.272.727	-	954.593.468	3.121.467.454
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(447.841.776)	(447.841.776)
Số dư tại 31/12/2023	54.975.668.268	29.026.477.339	3.274.602.292	130.387.273	60.381.571.159	147.788.706.331
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2023	43.843.849.089	18.025.505.542	2.608.186.755	130.387.273	43.851.734.587	108.459.663.246
Khấu hao trong kỳ	1.283.699.739	1.313.068.979	147.711.231	-	2.077.443.812	4.821.923.761
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(348.618.021)	(348.618.021)
Số dư tại 31/12/2023	45.127.548.828	19.338.574.521	2.755.897.986	130.387.273	45.580.560.378	112.932.968.986
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2023	10.107.217.920	9.880.971.797	644.142.810	-	16.023.084.880	36.655.417.407
Số dư tại 31/12/2023	9.848.119.440	9.687.902.818	518.704.306	-	14.801.010.781	34.855.737.345
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Số dư tại 01/01/2023	34.851.272.707	9.096.494.339	2.156.970.557	130.387.273	19.172.136.211	65.407.261.087
Số dư tại 31/12/2023	37.548.624.852	9.295.385.210	2.156.970.557	130.387.273	19.004.328.685	68.135.696.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

5.9 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2023	-	454.360.000	454.360.000
Số dư tại 31/12/2023	-	454.360.000	454.360.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/01/2023	-	72.060.712	72.060.712
Khấu hao trong kỳ	-	90.872.004	90.872.004
Số dư tại 31/12/2023	-	162.932.716	162.932.716
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2023	-	382.299.288	382.299.288
Số dư tại 31/12/2023	-	291.427.284	291.427.284
Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Số dư tại 01/01/2023	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	-	-	-

5.10 Tăng giảm bất động sản đầu tư

	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2023	29.938.241.930	1.618.556.636	31.556.798.566
Số dư tại 31/12/2023	29.938.241.930	1.618.556.636	31.556.798.566
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/01/2023	16.115.881.108	671.545.914	16.787.427.022
Khấu hao trong kỳ	1.352.099.940	80.927.832	1.433.027.772
Số dư tại 31/12/2023	17.467.981.048	752.473.746	18.220.454.794
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2023	13.822.360.822	947.010.722	14.769.371.544
Số dư tại 31/12/2023	12.470.260.882	866.082.890	13.336.343.772
Nguyên giá BĐS đầu tư cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Số dư tại 01/01/2023	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	-	-	-

5.11 Chi phí XDCB dở dang

	01/01/2023	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ/ Kết chuyển hết dở dang trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Dự án điện gió (i)	1.586.090.909	-	1.586.090.909	-
Vườn cây cà phê trồng từ năm 2020	4.154.901.274	330.539.686	954.593.468	3.530.847.492
Tổng cộng	5.740.992.183	330.539.686	2.540.684.377	3.530.847.492

(i) Giảm chi phí xây dựng dở dang đối với dự án nhà máy điện gió Thăng Lợi Đắk Lắk và dự án nhà máy điện mặt trời nổi Thăng Lợi theo Quyết định số 26/2023/NQ-HĐQT ngày 20/11/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi phê duyệt tạm ngừng triển khai dự án.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	784.237.328	784.237.328	10.057.445.818	10.057.445.818
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Hoàng Quyển	-	-	2.297.453.400	2.297.453.400
Công ty CP Đầu tư Cà phê Cao Nguyên	-	-	1.949.443.700	1.949.443.700
Công ty TNHH Thương mại Phúc Minh	-	-	1.800.322.300	1.800.322.300
Công ty TNHH Thương mại Thái Phúc	-	-	1.918.154.500	1.918.154.500
Công ty TNHH Dịch vụ & Vận tải Tín Nghĩa	262.477.800	262.477.800	294.408.000	294.408.000
Công ty Cổ phần Bao bì nhựa TKT Việt Nam	497.067.516	497.067.516	-	-
Các đối tượng khác	24.692.012	24.692.012	1.797.663.918	1.797.663.918
Cộng	784.237.328	784.237.328	10.057.445.818	10.057.445.818

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	14.747.400	14.747.400	80.516.000	80.516.000
Các đối tượng khác	14.747.400	14.747.400	80.516.000	80.516.000
Cộng	14.747.400	14.747.400	80.516.000	80.516.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁ PHÉ THĂNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu 31/12/2023 VND	Số phải nộp 31/12/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải thu 01/01/2023 VND	Số phải nộp 01/01/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	997.777.778	1.361.367.140	675.271.067	-	311.681.705
Thuế thu nhập cá nhân	5.003.187	-	137.770.775	159.849.112	-	17.075.150
Thuế tài nguyên	-	-	2.866.680	2.866.680	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	300.491.488	3.866.178.197	5.403.720.276	-	1.838.033.567
Các loại thuế khác	130.148.723	1.551.964.160	396.553	130.545.645	-	1.551.964.529
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	6.000.000	6.183.168	-	183.168
Cộng	135.151.910	2.850.233.426	5.374.579.345	6.378.435.948	-	3.718.938.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	161.566.938	166.558.250
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	468.180.580	372.250.000
Chi phí hoa hồng môi giới	47.472.480	68.812.200
Chi phí khác	245.232.378	305.917.982
Cộng	922.452.376	913.538.432

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các đối tượng khác	10.418.545.808	10.418.545.808	11.347.287.530	11.347.287.530
Kinh phí công đoàn	136.259.448	136.259.448	136.259.448	136.259.448
Bảo hiểm xã hội	84.735.272	84.735.272	125.620.140	125.620.140
Bảo hiểm y tế	5.604.218	5.604.218	4.571.652	4.571.652
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	928.587	928.587
Phải trả về cổ phần hóa	4.015.607.667	4.015.607.667	4.015.607.667	4.015.607.667
Nhận ký quỹ, ký cược	10.000.000	10.000.000	-	-
Vốn hợp tác đầu tư vườn cây của hộ nông dân	5.423.956.200	5.423.956.200	6.329.981.082	6.329.981.082
Phải trả khác	742.383.003	742.383.003	734.318.954	734.318.954
Cộng	10.418.545.808	10.418.545.808	11.347.287.530	11.347.287.530

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	2.080.475.000	2.080.475.000	2.080.475.000	2.080.475.000
Cộng	2.080.475.000	2.080.475.000	2.080.475.000	2.080.475.000

(i) Nhận đặt cọc dài hạn tiền cho thuê nhà xưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁ PHÉ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	124.122.437.175	124.122.437.175	353.426.957.345	276.800.316.170	47.495.796.000	47.495.796.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Đắk Lắk	69.807.089.650	69.807.089.650	224.808.538.669	202.227.245.019	47.225.796.000	47.225.796.000
Ngân hàng TMCP Vietinbank - CN Đắk Lắk	19.348.827.950	19.348.827.950	24.138.827.950	4.790.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đắk Lắk	29.966.519.575	29.966.519.575	30.773.771.875	807.252.300	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đắk Lắk	-	-	20.593.758.851	20.593.758.851	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	-	-	6.541.060.000	6.541.060.000	-	-
Ngân hàng TMCP SHB - CN Đắk Lắk	-	-	3.171.000.000	3.171.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đắk Lắk	-	-	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
Các cá nhân khác	5.000.000.000	5.000.000.000	38.900.000.000	34.170.000.000	270.000.000	270.000.000
Cộng	124.122.437.175	124.122.437.175	353.426.957.345	276.800.316.170	47.495.796.000	47.495.796.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

Thông tin bổ sung cho các vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2023	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Đắk Lắk 190723/276952/HĐHM ngày 19/07/2023	06 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	70.000.000.000 VND	69.807.089.650	Vay Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và kinh doanh cà phê xuất khẩu (Vay trả tiền thu mua cà phê)	Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị là 18.720.000.000 đồng
Khoản vay Ngân hàng TMCP Vietinbank - CN Đắk Lắk 23.94.096/2023- HĐCVHM/NHCT502- THANGLOI ngày 01/02/2023	06 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	100.000.000.000 VND	19.348.827.950	Vay Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và kinh doanh cà phê xuất khẩu (Vay trả tiền thu mua cà phê)	Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng giá trị là 4.500.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁ PHÉ THĂNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đắk Lắk 135414.23.340.923045.TT ngày 06/06/2023	Theo từng giấy nhận nợ	30.000.000.000 VND	29.966.519.575	Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội với tổng giá trị là 14.800.000.000 đồng
Vay cá nhân Nguyễn Thị Quỳnh Như	06 tháng			Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và kinh doanh cá phê xuất khẩu (Vay trả tiền thu mua cá phê)
	6 tháng		5.000.000.000	Vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh trong kỳ
Tổng cộng			124.122.437.175	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI
 Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")
 5.18.1 Biến động Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quý đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Số dư tại 01/01/2022	126.500.000.000		-		1.596.247.913		5.898.847.907		133.995.095.820	
Lãi/lỗ trong năm trước	-		-		-		1.323.034.745		1.323.034.745	
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-		-		5.898.847.907		(5.898.847.907)		-	
Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước	-		-		-		28.220.927		28.220.927	
Số dư tại 31/12/2022	126.500.000.000		-		7.495.095.820		1.351.255.672		135.346.351.492	
Số dư tại 01/01/2023	126.500.000.000		-		7.495.095.820		1.351.255.672		135.346.351.492	
Lãi/lỗ trong kỳ này	-		-		-		3.535.047.283		3.535.047.283	
Số dư tại 31/12/2023	126.500.000.000		-		7.495.095.820		4.886.302.955		138.881.398.775	

5.18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
UBND tỉnh Đắk Lắk	45.540.000.000	36,00%	45.540.000.000	36,00%
Phạm Thị Linh	77.619.000.000	61,36%	77.619.000.000	61,36%
Các cá nhân khác	3.341.000.000	2,64%	3.341.000.000	2,64%
Cộng	126.500.000.000	100%	126.500.000.000	100%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa	429.209.461.805	430.198.874.600
Doanh thu bán thành phẩm	14.564.233.835	8.922.749.300
Doanh thu cho thuê kho	12.265.829.113	11.558.802.082
Cộng	456.039.524.753	450.680.425.982

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	419.915.582.149	429.290.858.875
Giá vốn của thành phẩm đã bán	12.533.491.367	804.396.445
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.748.689.851	2.505.996.143
Cộng	434.197.763.367	432.601.251.463

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.762.703.112	4.210.534.384
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.994.401.800	2.284.832.075
Cộng	7.396.020.274	6.495.366.459

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	2.094.969.535	1.320.389.704
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.383.637.942	2.674.935.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	782.189.863	-
Cộng	6.074.212.616	3.995.324.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	1.732.859.041	1.255.592.571
Chi phí vật liệu, bao bì	332.394.418	60.345.848
Chi phí khấu hao TSCĐ	457.473.405	193.119.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.260.052.759	5.846.217.905
Chi phí bằng tiền khác	1.538.174.638	1.172.783.907
Cộng	8.320.954.261	8.528.059.843

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.142.930.044	4.018.355.357
Chi phí vật liệu quản lý	858.695.382	748.344.831
Chi phí khấu hao TSCĐ	380.141.250	304.875.558
Thuế, phí và lệ phí	1.199.962.794	1.234.925.657
Chi phí dự phòng	3.266.953.282	4.138.604.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	440.901.362	499.840.977
Chi phí bằng tiền khác	2.413.211.547	2.304.376.154
Cộng	12.702.795.661	13.249.322.824

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản thu tư thanh lý cây muồng đen và thu nhập khác	5.649.863.030	5.028.168.900
Cộng	5.649.863.030	5.028.168.900

6.8 Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Khấu hao TSCĐ không sử dụng sản xuất kinh doanh	281.968.011	161.968.758
Chi phí dở dang dự án điện gió	1.586.090.909	-
Các khoản khác	1.025.208.809	1.579.507.360
Cộng	2.893.267.729	1.903.444.876

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.896.414.423	1.926.557.486
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	1.910.421.279	949.951.585
Các khoản điều chỉnh tăng	1.910.421.279	949.951.585
Các khoản chi phí không được trừ	1.891.648.470	949.607.835
Các khoản chi phí không được trừ năm trước	18.772.809	343.750
Thu nhập tính thuế TNDN	6.806.835.702	2.876.509.071
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	1.361.367.140	575.301.814
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.361.367.140	575.301.814

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.535.047.283	1.351.255.672
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.535.047.283	1.351.255.672
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.650.000	12.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	279	107

6.11 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.535.047.283	1.351.255.672
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.535.047.283	1.351.255.672
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.650.000	12.650.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	279	107

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	5.875.789.085	5.273.947.928
Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ	500.694.762.933	433.799.715.377
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.345.823.537	5.987.866.226
Thuế, phí, lệ phí	1.199.962.794	1.234.925.657
Chi phí dự phòng	3.266.953.282	4.138.604.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.700.954.121	6.346.058.882
Chi phí khác bằng tiền	3.951.386.185	4.286.268.851
Cộng	526.035.631.937	461.067.387.211

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	353.426.957.345	316.849.400.499

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	276.800.316.170	295.433.031.031

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2023 được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

Do đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần. Vì vậy, số liệu đầu năm có thể thay đổi sau khi Công ty được Cơ quan quản lý phê duyệt chính thức.

Trong năm tài chính 2023, Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trước và sau khi được điều chỉnh như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chi tiêu	Mã số	01/01/2023 (theo Báo cáo trước đây)	01/01/2023 (Số đã điều chỉnh lại)	01/01/2023 (Giá trị điều chỉnh)
		VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Phải thu ngắn hạn khác	136	15.930.813.046	15.959.043.446	28.230.400
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	861.584.611	858.834.317	(2.750.294)
NGUỒN VỐN				
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	3.711.914.940	3.718.938.119	7.023.179
Phải trả ngắn hạn khác	319	11.357.051.530	11.347.287.530	(9.764.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.323.034.745	1.351.255.672	28.220.927

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiêu	Mã số	Năm 2022 (theo Báo cáo trước đây)	Năm 2022 (Số đã điều chỉnh lại)	Năm 2022 (Giá trị điều chỉnh)
		VND	VND	VND
Giá vốn hàng bán	11	432.601.251.463	432.601.315.569	64.106
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13.284.566.930	13.249.386.930	(35.180.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.891.313.380	1.926.557.486	35.244.106
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	568.278.635	575.301.814	7.023.179
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.323.034.745	1.351.255.672	28.220.927

8.2 Thông tin về bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thành viên Quản lý chủ chốt	Chức danh	Tiền lương và thù lao	
		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	285.937.234	330.685.714
Ông Phạm Xuân Thọ	Tổng Giám đốc	260.170.213	280.584.500
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	45.872.340	49.500.000
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	225.885.106	266.256.535
Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên HĐQT	165.403.957	169.539.937
Ông Đoàn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc	225.885.106	240.627.963
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 19/06/2023)	85.841.008	183.269.188
Nguyễn Thị Quỳnh Như	Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm ngày 19/06/2023)	87.019.585	-
Tổng cộng		1.382.014.549	1.520.463.837

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI

Địa chỉ: Km17 – Quốc lộ 26 – X. Hòa Đông – H. Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

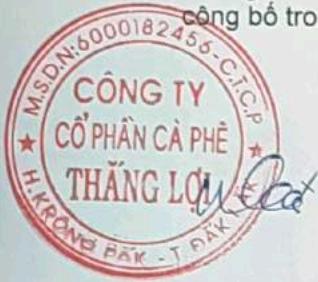
Mẫu số B09 - DN

8.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình, do đó theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty chắc chắn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Quỳnh Như
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Như
Người lập biểu





CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

(Số: 75/2024/TT – HĐQT)

V/v: Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2023, cụ thể:

- Thời gian kiểm toán tài chính: từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023
- Đơn vị kiểm toán: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÍA BẮC

(Báo cáo tài chính được đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

(Số: 76/2024/TT – HĐQT)

V/v: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua các nội dung về Phương án phân phối lợi nhuận và thực hiện chia cổ tức đối với lợi nhuận sau thuế năm 2023 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận từ 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Tổng doanh thu	Đồng	469.085.408.057
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	4.896.414.423
3	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	Đồng	3.535.047.283
4	Cổ tức năm 2023	Đồng	0
5	Lợi nhuận trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	3.535.047.283
6	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	0

HĐQT đề xuất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 là 3.535.047.283 đồng sẽ không chia cổ tức mà thực hiện trích 100% lợi nhuận vào quỹ đầu tư phát triển Công ty vì những lý do sau:

- Hiện nay Công ty đang hoạt động rất khó khăn do Người nhận khoán không nộp sản tiền nợ tương đương trên 230 tỷ đồng và nợ tiền thuê đất 06 năm liên tiếp hơn 13 tỷ đồng, tình hình an ninh trật tự phức tạp, hồ sơ pháp lý về đất đai chuyển đổi sang Công ty cổ phần chưa hoàn thiện ảnh hưởng lớn đến nguồn thu và vốn lưu động trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đồng thời vì lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2023 thấp chỉ 3,535 tỷ đồng. Công ty cũng cần có nguồn vốn để đầu tư nâng cấp và đầu tư mới hệ thống máy móc thiết bị, nâng cấp hệ thống nhà xưởng để đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh cà phê nhân và đầu tư phát triển lĩnh vực cà phê rang xay & hòa tan.

2. Triển khai thực hiện:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy toàn quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và triển khai thực hiện các công việc liên quan sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận được trình như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

(Số: 77/2024/TT – HĐQT)

V/v: Thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với HĐQT và BKS.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua Tổng mức thù lao (bao gồm lương và thưởng) của HĐQT, BKS năm 2023 và Kế hoạch thù lao (bao gồm lương và thưởng) năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Nội dung	Kế hoạch thù lao năm 2023	Tổng thù lao đã chi năm 2023	Kế hoạch thù lao năm 2024
01	Chủ tịch HĐQT chuyên trách và các Thành viên HĐQT không chuyên trách	500.000.000	331.809.574	500.000.000 - Lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 22.500.000đ/tháng (Chưa bao gồm mức đóng thuế TNCN vãng lai 10%)
02	Ban kiểm soát (03 thành viên)	84.000.000	25.800.000	84.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

(Số: 78/2024/TT – HĐQT)

**V/v: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các quy định của pháp luật khác, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty, tiêu chí lựa chọn như sau:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, tuân thủ các quy định của pháp luật về các điều kiện đối với tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
- Thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của pháp luật;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán và có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng, công ty niêm yết và các tổ chức ngân hàng, tài chính lớn tại Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán.

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2024 phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng các tiêu chí trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lữ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

(Số: 79/2024/TT – HĐQT)

V/v: thông qua chủ trương phê duyệt chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

Nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật, quyền lợi của cổ đông không làm thất thoát vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi (“**Công ty**”). Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua chủ trương phê duyệt chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan (“**Hợp đồng**”) theo đúng quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14, Điều 42 Điều lệ Công ty cùng các quy định liên quan của luật chứng khoán quy định đối với Công ty đại chúng. Các hợp đồng được giao kết dựa trên điều kiện thương mại bình đẳng, không gây tổn hại đến lợi ích công ty và đảm bảo các nội dung cụ thể như sau:

1. Đối tượng ký kết hợp đồng, giao dịch: Giữa Công ty với người liên quan (*Danh sách chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

2. Nội dung ký kết các hợp đồng, giao dịch bao gồm: Hợp đồng mua bán; Vay/cho vay, bảo lãnh vay vốn và các biện pháp bảo đảm khác theo quy định pháp luật trừ các giao dịch cấp khoản vay bảo lãnh cho cổ đông và người có liên quan của cổ đông mà Công ty không được thực hiện theo quy định pháp luật; mua bán chứng khoán; thuê/cho thuê tài sản; hợp đồng dịch vụ/cung cấp dịch vụ và các loại hợp đồng giao dịch khác theo đúng quy định pháp luật.

3. Giá trị hợp đồng, giao dịch: Theo từng hợp đồng, giao dịch được xác lập cụ thể trên cơ sở đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật, lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty. Giá trị hợp đồng/Phụ lục hợp đồng từng lần sẽ tối đa không quá 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

4. Thời hạn hợp đồng, giao dịch: từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan cho đến khi chấm dứt hiệu lực bởi Nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty phê duyệt ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định từng hợp đồng/giao dịch cụ thể căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và tiến hành các thủ tục cần thiết liên quan đến việc ký kết và thực hiện các hợp đồng/giao dịch theo đúng chủ trương được Đại hội đồng cổ đông công ty phê duyệt. Việc ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua cho đến khi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quyết định khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

PHỤ LỤC

(Đính kèm Tờ trình số 79/2024/TT – HĐQT ngày 25/03/2024)

STT	Tên doanh nghiệp/người có liên quan	Địa chỉ/MST	Ngành nghề kinh doanh chính	Mối liên hệ <i>(Theo Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020)</i>
1	Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk (“Công ty Cấp Nước”)	Số 339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk MST: 6000175995	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	- Ông Đỗ Hoàng Phúc (Chủ tịch HĐQT CTCP cà phê Thăng Lợi) sở hữu cổ phần Công ty Cấp Nước chiếm tỷ lệ 15,86% tổng số cổ phần từ ngày 20/01//2019.
2	Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Nam Phương (“Công ty Nam Phương”)	Km số 7, cụm Công nghiệp Mai Sơn, xã Mai Sơn, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình MST: 2700281328	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	- Bà Phạm Thị Linh (Vợ ông Đỗ Hoàng Phúc hiện là Chủ tịch HĐQT CTCP cà phê Thăng Lợi) là chủ sở hữu Công ty Nam Phương.
3	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nam Phương (“Công ty XNK Nam Phương”)	Đường Trịnh Tú, Phố Kim Đa, P. Ninh Khánh, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình MST: 2700669128	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	- Bà Phạm Thị Linh (Vợ ông Đỗ Hoàng Phúc hiện là Chủ tịch HĐQT CTCP cà phê Thăng Lợi) sở hữu phần vốn góp chiếm 25% vốn điều lệ.
4	Công ty CP Xuất nhập khẩu thực phẩm Toàn Cầu (“Công ty Toàn Cầu”)	Thôn Kim 3, xã Phụng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang MST: 2400797168	Bán buôn thực phẩm	- Ông Đỗ Hoàng Phúc (Chủ tịch HĐQT CTCP cà phê Thăng Lợi) sở hữu cổ phần Công ty Toàn Cầu chiếm tỷ lệ 50% tổng số cổ phần từ ngày 20/06/2016.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THĂNG LỢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

(Số: 80/2024/TT – HĐQT)

V/v: thông qua bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2028

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2028, cụ thể như sau:

I. Số lượng và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông lần đầu ngày 02/10/2019 đã thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi với nhiệm kỳ 2019 – 2023. Theo đó tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đã cùng kết thúc nhiệm kỳ. Vì vậy, để đảm bảo công tác hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thông qua bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ tiếp theo (2024 – 2028) với số lượng thành viên như sau:

- Hội Đồng Quản Trị: 05 thành viên.

- Ban Kiểm Soát: 03 thành viên.

II. Danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

Danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được Công ty xác định theo các quy định tại Thông báo số 54/TB - CTCP ngày 08/03/2024 của Hội đồng quản trị và trình Đại hội cổ đông thường niên 2024 thông qua.

III. Cách thức bầu cử:

Cách thức bầu cử thực hiện theo các quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát CTCP cà phê Thăng Lợi nhiệm kỳ 2024 – 2028 được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc

Đăk Lăk, ngày 08 tháng 04 năm 2024

DANH SÁCH ỨNG VIÊN

Đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2028

**Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2024 Công ty cổ phần cà phê
Thắng Lợi**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi;
- Hồ sơ đề cử của cổ đông.

Hội Đồng Quản Trị CTCP cà phê Thắng Lợi xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét thông qua Danh sách ứng viên được đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản Trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2024 – 2028, cụ thể như sau:

I. Danh sách ứng viên Hội Đồng Quản Trị:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số GTT	Trình độ chuyên môn
1	Đỗ Hoàng Phúc	03/07/1957	037057001333	Cử nhân Luật, Chính trị
2	Đỗ Hoàng Phương	02/02/1984	037084001022	Thạc sỹ điện tử tự động hoá
3	Phạm Xuân Thụ	20/10/1965	040065013019	Cử nhân Quản trị kinh doanh
4	Phạm Thị Linh	25/03/1961	037161001579	Cử nhân kế toán
5	Đặng Thị Huyền	10/01/1990	066190011859	Kỹ sư nông học

Thông tin chi tiết theo Sơ yếu lý lịch kèm theo.

II. Danh sách ứng viên Ban Kiểm Soát:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số GTT	Trình độ chuyên môn
1	Phạm Đình Bộ	22/08/1957	037057009752	Cử nhân Luật, Chính trị
2	Lê Đặng Uyên Đan	02/05/1994	066194005797	Cử nhân Luật
3	Nguyễn Thị Thuý Hằng	02/10/1990	066190018893	Cử nhân Kinh tế

Thông tin chi tiết theo Sơ yếu lý lịch kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lỗ Hoàng Phúc

Phụ lục III
Appendix III
BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng

Bộ Tài chính)

(Pronndgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 04 năm 2024

DakLak, April 4th, 2024

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To: - The State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange .

1/ Họ và tên /Full name: **Đỗ Hoàng Phúc**

2/ Giới tính/Sex: **Nam**

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: **03/07/1957**

4/ Nơi sinh/Place of birth: **Ninh Bình**

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ IDcard No. (or Passport No: **037057001333**

Ngày cấp/Date of issue: **28/06/2022** Nơi cấp/Place of issue: **Công an tỉnh Đắk Lắk**

6/ Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam**

7/ Dân tộc/Ethnic: **Kinh**

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: **Phố Kim Đa, Ninh Khánh, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình**

9/ Số điện/Telephone number: **02626.514.365**

10/ Địa chỉ email/Email: **phuccailan@gmail.com**

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: **Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi**

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: **Chủ tịch HĐQT.**

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

- **Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần cà phê Đắk Lắk.**

14/ Số CP nắm giữ: **0 cổ phiếu** chiếm **0%** vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares **0** shares, accounting for **0%** of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): **0 cổ phiếu**

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: **0 cổ phiếu**

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): **Không có**

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /List of affiliated persons of declarant:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty/
1	Đỗ Hoàng Phúc		Người đại diện theo pháp luật Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	0370570013 33 28/06/2022 Cục CSSLHC về TTXH	P. Vân Giang, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/201 9			Người đại diện theo pháp luật Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
	Phạm Thị Linh		Cổ đông lớn	Số CMND: 161962858 Ngày cấp: 23/11/2011 Tại: CA tỉnh Ninh Bình	Số 12 đường Trịnh Tú, phố Kim Đa, phường Ninh Khánh, Tp Ninh Bình	02/10/201 9			Vợ
	Đỗ Văn Hạnh			0370500014 58 25/04/2021 Cục Cảnh sát	phố Lê Lợi, phường Nam Bình, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/201 9			Anh trai
	Lê Thị Thủy Dung			0371480010 09 25/04/2021 Cục Cảnh sát	phố Lê Lợi, phường Nam Bình, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/201 9			Chị dâu
	Đỗ Duy Tư			0370590017 99 03/06/2019 Cục Cảnh sát	phố Tân An, phường Tân Thành, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/201 9			Em trai
	Dương Thị Phượng			0371600026 76 11/12/2019 Cục Cảnh sát	phố Tân An, phường Tân	02/10/201 9			Em dâu

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty/
					Thành, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình				
	Đỗ Văn Từ			0370580010 23 21/04/2017 Cục Cảnh sát	Xã Yên Nhân, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình	02/10/2019			Em trai
	Nguyễn Thị Đoan			164537169 03/05/2009 CA Ninh Bình	Xã Yên Nhân, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình	02/10/2019			Em dâu
	Đỗ Văn Năm			0370620008 83 25/04/2021 Cục Cảnh sát	phố 3, phường Đông Thành, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/2019			Em trai
	Trần Thị Cậy			0371640006 27 25/04/2021 Cục Cảnh sát	phường Đông Thành, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/2019			Em dâu
	Ông Đỗ Hoàng Phương		TV HĐQT	0370840010 22 18/09/2018 Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	P. Vân Giang, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/2019			Con ruột
	Trần Thị Hải Lý			0371910009 51 07/12/2017 Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	P. Vân Giang, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/2019			Con dâu
	Đỗ Linh Nhâm			164262856 02/10/2012 CA Ninh Bình	Phố 8, phường Vân Giang, Tp Ninh Bình	02/10/2019			Con ruột

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty/
	Đình Thanh Tùng			164162913 CA Ninh Bình	Phố 8, phường Vân Giang, Tp Ninh Bình	02/10/2019			Con rể

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):* **Vợ là Bà Phạm Thị Linh cổ đông lớn của Công ty.**

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):* **Không có**

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)*



Đỗ Hoàng Phúc

**Phụ lục III
Appendix III**

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ
trưởng
Bộ Tài chính)*
*(Pronndgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister
of
Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

*Đắk Lắk, ngày 24 tháng 04 năm 2024
DakLak, April 4th, 2024*

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
To: - The State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange .

- 1/ Họ và tên /Full name: **Đỗ Hoàng Phương**
- 2/ Giới tính/Sex: **Nam**
- 3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 02/02/1984
- 4/ Nơi sinh/Place of birth: Ninh Bình
- 5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ IDcard No. (or Passport No: 037084001022
- Ngày cấp/Date of issue: 29/09/2022 Nơi cấp/Place of issue: Cục CSQLHC về TTXH
- 6/ Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam**
- 7/ Dân tộc/Ethnic: **Kinh**
- 8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: Phố Kim Đa, Ninh Khánh, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
- 9/ Số điện/Telephone number: **02626.514.365**
- 10/ Địa chỉ email/Email: DHP.vina@gmail.com
- 11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: **Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi**
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: **Thành viên Hội Đồng Quản Trị.**
- 13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:
- **Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần cà phê nước Đắk Lắk.**

14/ Số CP nắm giữ: **0 cổ phiếu** chiếm **0%** vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 0 shares, accounting for 0% of charter capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phiếu*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual: 0 cổ phiếu*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any): Không có*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant:*

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty/
1	Ông Đỗ Hoàng Phương		TV HĐQT	0370840010 22 18/09/2018 Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	P. Vân Giang, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/2019			
	Đỗ Hoàng Phúc		Người đại diện theo pháp luật Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	0370570013 33 28/06/2022 Cục CSQLHC về TTXH	P. Vân Giang, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/2019			Ba đẻ
	Phạm Thị Linh		Cổ đông lớn	Số CMND: 161962858 Ngày cấp: 23/11/2011 Tại: CA tỉnh Ninh Bình	Số12 đường Trịnh Tú, phố Kim Đa, phường Ninh Khánh, Tp Ninh Bình	02/10/2019			Mẹ đẻ
	Trần Văn Kiệm			0370630007 15	Phố Khánh	02/10/2019			Bố vợ

				28/06/2021 Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Bình, phường Ninh Khánh, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình				
	Nguyễn Thị Ngân Thanh			0371690008 63 14/09/2021 Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Phố Khánh Bình, phường Ninh Khánh, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/201 9			Mẹ vợ
	Trần Thị Hải Lý			0371910009 51 07/12/2017 Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	P. Vân Giang, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/201 9			Vợ
	Đỗ Phương Nhi					02/10/201 9			Con ruột
	Đỗ Hoàng Minh Hải					02/10/201 9			Con ruột
	Đỗ Hoàng Minh Anh					02/10/201 9			Con ruột
	Đỗ Linh Nhâm			164262856 02/10/2012 CA Ninh Bình	Phố 8, phường Vân Giang, Tp Ninh Bình	02/10/201 9			Em ruột
	Đình Thanh Tùng			164162913 CA Ninh Bình	Phố 8, phường Vân Giang, Tp Ninh Bình	02/10/201 9			Em rể

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/Related interest with public company, public fund (if any): **Mẹ đẻ là Bà Phạm Thị Linh cổ đông lớn của Công ty**

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any)*: **Không có**

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, cursive letters, likely representing the name 'Đỗ Hoàng Phương'.

Đỗ Hoàng Phương

**Phụ lục III
Appendix III**

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ
trưởng
Bộ Tài chính)*
*(Pronndgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister
of
Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

*Đăk Lăk, ngày 24 tháng 04 năm 2024
DakLak, April 4th, 2024*

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
To: - The State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange .

- 1/ Họ và tên /Full name: **Phạm Thị Linh**
- 2/ Giới tính/Sex: **Nữ**
- 3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 25/03/1961
- 4/ Nơi sinh/Place of birth: Ninh Bình
- 5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ IDcard No. (or Passport No: 037161001579
- Ngày cấp/Date of issue: 22/06/2022 Nơi cấp/Place of issue: Cục CSQLHC về TTXH
- 6/ Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam**
- 7/ Dân tộc/Ethnic: **Kinh**
- 8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: Phố Kim Đa, Ninh Khánh, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
- 9/ Số điện/Telephone number: **02626.514.365**
- 10/ Địa chỉ email/Email:
- 11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: **Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi**
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: **Thành viên HĐQT.**
- 13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:
- **Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần cà phê nước Đăk Lăk.**

14/ Số CP nắm giữ: **7.761.900 cổ phiếu** chiếm **61,35%** vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 7.761.900 shares, accounting for 61,35% of charter capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phiếu*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual: 7.761.900 cổ phiếu*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any): Không có*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant:*

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

ST T	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty/
10	Phạm Thị Linh		Cổ đông lớn	Số CMND: 161962858 Ngày cấp: 23/11/2011 Tại: CA tỉnh Ninh Bình	Số 12 đường Trịnh Tú, phố Kim Đa, phường Ninh Khánh, Tp Ninh Bình	02/10/2019			
	Đỗ Hoàng Phúc		Người đại diện theo pháp luật Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	0370570013 33 28/06/2022 Cục CSQLHC về TTXH	P. Vân Giang, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/2019			Chồng
	Mai Thị Lượ			160624771 15/11/2012 CA Ninh Bình	Xã Yên Nhân, huyện Yên Mô,	02/10/2019			Mẹ đẻ

					tỉnh Ninh Bình				
	Ông Đỗ Hoàng Phương		TV HĐQT	0370840010 22 18/09/2018 Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	P. Vân Giang, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/2019			Con ruột
	Trần Thị Hải Lý			0371910009 51 07/12/2017 Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	P. Vân Giang, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	02/10/2019			Con dâu
	Đỗ Linh Nhâm			164262856 02/10/2012 CA Ninh Bình	Phố 8, phường Vân Giang, Tp Ninh Bình	02/10/2019			Con ruột
	Đinh Thanh Tùng			164162913 CA Ninh Bình	Phố 8, phường Vân Giang, Tp Ninh Bình	02/10/2019			Con rể
	Nguyễn Thị Lưu			0371480074 16 28/06/2021 Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TT Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	02/10/2019			Chị dâu
	Phạm Thị Lụa			160195802 27/02/2013 CA Ninh Bình	Phố Trung Tự, phường Nam Bình, Tp Ninh Bình	02/10/2019			Chị gái
	Phạm Minh Cường			164015168 27/02/2013 CA Ninh Bình	Phố Trung Tự, phường Nam Bình, Tp Ninh Bình	02/10/2019			Anh rể
	Phạm Thị Lĩnh			0371580025 83 31/08/2021	TT Tiền Hải, Thái Bình	02/10/2019			Chị gái

				Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư					
	Đặng Ngọc Đức			0340540067 78 13/08/2021 Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	TT Tiền Hải, Thái Bình	02/10/201 9			Anh rề

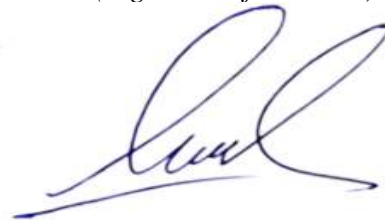
17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):* **Cổ đông lớn**

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):* **Không có**

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)



Phạm Thị Linh

**Phụ lục III
Appendix III**

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ
trưởng
Bộ Tài chính)*
*(Pronndgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister
of
Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

*Đắk Lắk, ngày 24 tháng 04 năm 2024
DakLak, April 4th, 2024*

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
To: - The State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange .

- 1/ Họ và tên /Full name: **Phạm Xuân Thụ**
- 2/ Giới tính/Sex: **Nam**
- 3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 20/10/1965
- 4/ Nơi sinh/Place of birth: Nghệ An
- 5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ IDcard No. (or Passport No: 040065013019
Ngày cấp/Date of issue: 20/08/2021 Nơi cấp/Place of issue: Cục CSQLHC về TTXH
- 6/ Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam**
- 7/ Dân tộc/Ethnic: **Kinh**
- 8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: Thôn Liên Cơ, Xã Hoà Đông, Krông Pắc, Đắk Lắk
- 9/ Số điện/Telephone number: **02626.514.365**
- 10/ Địa chỉ email/Email: xuanthu201065@gmail.com
- 11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: **Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi**
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: **Phó Chủ Tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc.**
- 13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: *Không có*
- 14/ Số CP nắm giữ: **4.555.000 cổ phiếu** chiếm **36,007%** vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares **4.555.000 shares**, accounting for **36,007%** of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation)*: **4.554.000 cổ phiếu**

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual*: **1.000 cổ phiếu**

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any)*: **Không có**

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty/
	Ông Phạm Xuân Thụ		TGD TV HĐQT	0400650130 19 20/08/2021 Cục CSQLHC về TTXH	Xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh ĐắkLắk	02/10/201 9			NQLDN
	Đặng Trọng Phụ			0400380051 18 20/08/2021	Xóm 4, Công Thành, Yên Thành, Nghệ An	02/10/201 9			Bố vợ
	Đặng Thị Huê			0401670198 10 28/06/2021 CA Đắk Lắk	Số 138 Thôn Liên Cơ, Xã Hòa Đông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đaklak	02/10/201 9			Vợ
	Phạm Thị Như Ngọc			241264272 30/07/2020 CA Đắk Lắk	Số 138 Thôn Liên Cơ, Xã Hòa Đông,	02/10/201 9			Con ruột

					Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đaklak				
	Hồ Quốc Việt			241321238 08/06/2016 CA Đắk Lắk	Khu phố Trần Phú- Phường 8- TP.Tuy Hòa- Phú Yên	02/10/201 9			Con rể
	Phạm Xuân Hoàng			0660970157 72 20/06/2021 CA Đắk Lắk	Số 138 Thôn Liên Cơ, Xã Hòa Đông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đaklak	02/10/201 9			Con ruột

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):* **Không có**

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):* **Không có**

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)



Phạm Xuân Thụ

**Phụ lục III
Appendix III**

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ
trưởng
Bộ Tài chính)*
*(Pronndgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister
of
Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

*Đắk Lắk, ngày 24 tháng 04 năm 2024
DakLak, April 4th, 2024*

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
To: - The State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange .

- 1/ Họ và tên /Full name: **Đặng Thị Huyền**
- 2/ Giới tính/Sex: **Nữ**
- 3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 10/01/1990
- 4/ Nơi sinh/Place of birth: **Đăklăk**
- 5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ IDcard No. (or Passport No: 066190011859
Ngày cấp/Date of issue: 12/08/2021 Nơi cấp/Place of issue: Cục QLHC về TTXH
- 6/ Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam**
- 7/ Dân tộc/Ethnic: **Kinh**
- 8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: Số nhà 143, Thôn 15, Hòa Đông, Krông Pắc, Đăklăk
- 9/ Số điện/Telephone number: 0971095226
- 10/ Địa chỉ email/Email: dangthihuyen.nhk32@gmail.com
- 11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: **Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi**
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: **Thành viên Hội Đồng Quản Trị.**
- 13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:
- 14/ Số CP nắm giữ: **300 cổ phiếu** chiếm **0,0023%** vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares **300 shares**, accounting for **0.0023%** of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation)*: **0 cổ phiếu**

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual*: **300 cổ phiếu**

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any)*: **Không có**

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

ST T	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty/
9	Bà Đặng Thị Huyền		TV HĐQT	06619001 1859 12/08/2021 Cục CS QLHC về TTXH	Thôn 15, xã Hòa Đông, huyện Krông pắc, tỉnh Đăklăk	12/07/2021			NQLDN
	Đặng Văn Chinh			Cục CS QLHC về TTXH	Thôn Nam Thắng, xã Hòa Đông, huyện Krông pắc, tỉnh Đăklăk	12/07/2021			Bố đẻ

	Vương Thị Bưởi			06615700 2844 08/07/2021 1 Cục CS QLHC về TTXH	Thôn Nam Thắng, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	12/07/2021			Mẹ đẻ
	Nguyễn Nhân Đông			Cục CS QLHC về TTXH	Thôn 15, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	12/07/2021			Bố chồng
	Nguyễn Nhân Thọ			06608000 5999 12/08/2021 1 Cục CS QLHC về TTXH	Thôn 15, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	12/07/2021			Chồng
	Nguyễn Huyền Tú Chi					12/07/2021			Con đẻ
	Nguyễn Nhân Quang					12/07/2021			Con đẻ
	Đặng Xuân Hậu			03408402 2970 12/07/2021 1 Cục CS QLHC về TTXH	Thôn Breng, xã Ia Pét, huyện Đắk Đoa, tỉnh Đắk Lắk	12/07/2021			Anh ruột

	Đặng Xuân Hữu			06608700 8840 21/09/2021 1 Cục CS QLHC về TTXH	Thôn Nam Thắng, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đăklăk	12/07/2021			Anh ruột
	Đặng Thu Hiền			03418101 9200 08/07/2021 1 Cục CS QLHC về TTXH	Thôn Cư Nghĩa, xã Cư Huê, huyện EaKar, tỉnh Đăklăk	12/07/2021			Chị ruột
	Hoàng Đình Trung			03808203 9458 08/07/2021 1 Cục CS QLHC về TTXH	Thôn Cư Nghĩa, xã Cư Huê, huyện EaKar, tỉnh Đăklăk	12/07/2021			Anh rể
	Nguyễn Thị Huyền			04218801 4503 28/06/2021 1 Cục CS QLHC về TTXH	Thôn Breng, xã Ia Pét, huyện Đăk Đoa, tỉnh Đăklăk	12/07/2021			Chị dâu
	Nguyễn Thị Thu Hà			23087516 9 31/03/2008 CA tỉnh Gia Lai	Xã H'ra, huyện Mang Yang, tỉnh Gia lai	12/07/2021			Chị dâu

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):* **Không có**

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):* **Không có**

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)*

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'D. Thuy', written over a horizontal line.

Đặng Thị Huyền

**Phụ lục III
Appendix III**

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ
trưởng
Bộ Tài chính)*
*(Pronndgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister
of
Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

*Đắk Lắk, ngày 24 tháng 04 năm 2024
DakLak, April 4th, 2024*

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
To: - The State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange .

1/ Họ và tên /Full name: **Lê Đặng Uyên Đan**

2/ Giới tính/Sex: **Nữ**

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: **02/05/1994**

4/ Nơi sinh/Place of birth: **Thành phố Buôn Ma Thuột**

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ IDcard No. (or Passport No: **241433785**

Ngày cấp/Date of issue: **22/02/2013** Nơi cấp/Place of issue: **Công an tỉnh Đắk Lắk**

6/ Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam**

7/ Dân tộc/Ethnic: **Kinh**

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: **Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk**

9/ Số điện/Telephone number: **02626.514.365**

10/ Địa chỉ email/Email: **uyendan2594@gmail.com**

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: **Công ty Cổ phần cà phê Thăng Lợi**

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: **Thành viên Ban kiểm soát.**

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

- **Trưởng Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần cà phê Đắk Lắk.**

14/ Số CP nắm giữ: **0 cổ phiếu** chiếm **0%** vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares **0** shares, accounting for **0%** of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phiếu*

+ Cá nhân sở hữu/*Owning by Individual: 0 cổ phiếu*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any): Không có*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant:*

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport / Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Lê Đăng Uyên Đan		Thành viên Ban kiểm soát		CCCD	066194005797	17/06/2021	Cục CS QL HC và TT XH	250 Nguyễn Công Trứ, P. Tự An, Tp Buon Ma Thuot, tỉnh Đắk Lắk	0	0%				
1.01		Đặng Thị Nờ			Mẹ đẻ	CMND	240022096	29/06/2019	Công an tỉnh Đắk Lắk	250 Nguyễn Công Trứ, P. Tự An, Tp Buon Ma Thuot, tỉnh Đắk Lắk	0	0%				
1.02		Trần Quốc Tuấn			Bố chồng	CMND	183732217	31/10/2006	Công an tỉnh Hà Tĩnh	Thôn Thọ Ninh, xã Liên Minh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	0	0%				
1.03		Vương Thị Hồng Nga			Mẹ chồng	CMND	183732218	31/10/2006	Công an tỉnh Hà Tĩnh	Thôn Thọ Ninh, xã Liên Minh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	0	0%				
1.04		Trần Anh Quang			Chồng	CMND	241979642	06/07/2019	Công an tỉnh Đắk Lắk	250 Nguyễn Công Trứ, P. Tự An, Tp Buon Ma Thuot,	0	0%				

										tỉnh Đắk Lắk						
1.05		Trần Anh Minh			Con đẻ					250 Nguyễn Công Trứ, P. Tự An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	0	0%				Sinh ngày: 04/07/2021
1.06		Lê Thanh Hùng			Anh ruột	CMND	240980517	17/08/2011	Công an tỉnh Đắk Lắk	Tổ 4, phường Thăng Lợi, Tp Pleiku, tỉnh Gia Lai	0	0%				
1.07		Lê Quốc Dũng			Anh ruột	CCCD	066089021072	18/09/2021	Cục cảnh sát	Tổ 4, phường Thăng Lợi, Tp Pleiku, tỉnh Gia Lai	0	0%				
1.08		Đặng Hà Mi			Chị dâu	CCCD	064192000498	13/04/2021	Cục cảnh sát	Tổ dân phố 1, Thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	0	0%				
1.09		Trần Thị Trà My			Chị dâu	CCCD	052190008817	12/08/2021	Cục Cảnh sát	03 Triệu Quang Phục, phường Phù Đổng, Tp Pleiku, tỉnh Gia Lai	0	0%				

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):* **Không có**

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):* **Không có**

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*Thereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)



Lê Đặng Uyên Đan

Phụ lục III
Appendix III
BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 04 năm 2024

DakLak, April 4th, 2024

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: **Nguyễn Thị Thúy Hằng**

2/ Giới tính/Sex: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 02/10/1990

4/ Nơi sinh/Place of birth: Đắk Lắk

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): 066190018893

Ngày cấp/Date of issue: 09/08/2021

Nơi cấp/Place of issue: Cục CSQLHCVTXH

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: Số nhà 434/89/28 Ymoan Eanuôl – Xã Cư Êbua – Tp Buôn Ma Thuật – Tỉnh Đắk Lắk

9/ Số điện/Telephone number: 0935797007

10/ Địa chỉ email/Email: *hangnguyen210990@gmail.com*

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

															14)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Nguyễn Thị Thúy Hằng		Kế toán trưởng Chief Accountant		CCCD ID Card No.	066190 018893	09/08/2021	Public Security	Số nhà 434/89 /28 Ymoan Eanuôl – Xã Cư Êbua – Tp Buon Ma Thuot – Tỉnh Đắk Lắk				19/06/2023		
1.1		Nguyễn Hà Lâm			Con Child											No ID Card


17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/Related interest with public company, public fund (if any):
Không

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ Interest in conflict with public company, public fund (if any):
Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)


Nguyễn Thị Thúy Hằng

**Phụ lục III
Appendix III
BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Pronndgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

*Đắk Lắk, ngày 24 tháng 04 năm 2024
DakLak, April 4th, 2024*

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: **Phạm Đình Bộ**

2/ Giới tính/Sex: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 22/08/1957

4/ Nơi sinh/Place of birth: Đắk Lắk

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): 037057009752

Ngày cấp/Date of issue: 12/08/2021

Nơi cấp/Place of issue: Cục CSQLHCVTXH

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: Phường Tân Lợi, TP Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

9/ Số điện/Telephone number: 091434269

10/ Địa chỉ email/Email: phamdinhb79@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure: Trưởng Ban kiểm soát*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies: Không*

14/ Số CP nắm giữ: 0 chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares accounting for% of charter capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual:*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any): Không*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant:*

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt No	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company / internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport / Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office addresses	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and	Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
--------	-------------------------	-------------	---	---	--	--	--------------------------	------------------------	------------------------	---	--	--	--	--	---	--

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Phạm Đình Bộ		Trưởng BKS		CCCD ID Card No.	037057 009752	12/08/2021	Cục CSQ LHC VTX H	Phường Tân Lợi, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk			24/04/2024		Bổ nhiệm vào BKS nhiệm kỳ 2024 – 2028	
1.1		Phạm Thị Bé			Vợ											

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*
Không

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):*
Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /

DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Phạm Đình Bộ